

NIÊN ĐỘ 2024 - 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

SLS



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính gửi Quý Cơ quan Ban ngành, Quý Đối tác và Toàn thể Quý Cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La, tôi xin gửi đến Quý vị lời chào trân trọng, cùng lời cảm ơn sâu sắc vì sự đồng hành, hỗ trợ và tin tưởng quý báu trong suốt thời gian qua. Chính sự hợp tác và gắn bó của Quý vị đã góp phần quan trọng vào những thành công mà Công ty đạt được trong niên độ 2024–2025.

Năm qua, ngành mía đường trong nước và thế giới đối diện với nhiều khó khăn: giá đường quốc tế sụt giảm mạnh, nguồn cung dư thừa, tình trạng buôn lậu và gian lận thương mại chưa được kiểm soát triệt để, trong khi biến đổi khí hậu với hạn hán, ngập úng tiếp tục ảnh hưởng nặng nề đến vùng nguyên liệu. Trong bối cảnh đó, Công ty đã thể hiện bản lĩnh và sự quyết đoán khi linh hoạt điều chỉnh chính sách nguyên liệu, triển khai quản trị tinh gọn, tối ưu hóa chi phí và chủ động chiến lược tiêu thụ. Nhờ đó, chúng ta đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh, ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 374 tỷ đồng – đạt 249,47% kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2024 giao phó, tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành.

Kết quả này là minh chứng cho sự đoàn kết, nỗ lực bền bỉ của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, cùng sự đồng hành quý báu của các cổ đông, đối tác và cộng đồng địa phương. Hội đồng quản trị xin ghi nhận và tri ân tất cả những đóng góp to lớn đó.

Bước vào niên độ 2025–2026, Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững dựa trên ba trụ cột: ổn định vùng nguyên liệu – tối ưu công nghệ chế biến – nâng cao hiệu quả quản trị và mở rộng thị trường. Cùng với đó, SLS kiên định thực hiện trách nhiệm xã hội, đồng hành với nông dân trồng mía, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Công ty, người lao động, cổ đông và cộng đồng. Chúng tôi cũng sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho các chương trình bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn và nâng cao đời sống người lao động, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững.

Hội đồng quản trị cam kết sẽ cùng Ban Điều hành tận dụng tối đa mọi nguồn lực, biến thách thức thành cơ hội, đưa Công ty phát triển ổn định, bền vững và ngày càng gia tăng giá trị cho cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!

Đặng Việt Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị



	TRANG	
THÔNG TIN CHUNG	07	08 Thông tin khái quát 11 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 14 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 16 Định hướng phát triển 18 Các rủi ro
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	23	24 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 26 Tổ chức và nhân sự 30 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 31 Tình hình tài chính 34 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 36 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	41	42 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 44 Tình hình tài chính 47 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 50 Kế hoạch phát triển trong tương lai 51 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 52 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	55	56 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động 57 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của BTGD 58 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
QUẢN TRỊ CÔNG TY	61	62 Hội đồng quản trị 73 Ban Kiểm soát 79 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	81	82 Báo cáo tài chính kiểm toán 86 Ý kiến Kiểm toán

BCTC	Báo cáo tài chính
BCTN	Báo cáo thường niên
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BKS	Ban kiểm soát
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
ROA	Tỷ số lợi nhuận trên tài sản
ROE	Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
SLS	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TGD	Tổng giám đốc
TMN	Tấn mía/ngày
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước



THÔNG TIN CHUNG

- 08 Thông tin khái quát
- 11 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 16 Định hướng phát triển
- 18 Các rủi ro

THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
Giấy CNĐKDN số	Đăng ký lần đầu theo số 2403000172 ngày 20/02/2008, thay đổi lần thứ 10 ngày 16/05/2025 do Sở Tài chính tỉnh Sơn La cấp
Vốn điều lệ	97.919.450.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.919.450.000 đồng
Địa chỉ	Km 34, Quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La
Số điện thoại	02123 843274
Số fax	02123 843406
Website	https://miaduongsonla.vn
Mã cổ phiếu	SLS
Sàn niêm yết	HNX

Địa bàn kinh doanh

Các sản phẩm chính của công ty hiện đang được tiêu thụ mạnh mẽ tại các tỉnh, thành phố trọng điểm như Sơn La, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương (cũ) và Vĩnh Phúc (cũ). Đặc biệt, công ty còn sở hữu mạng lưới phân phối rộng khắp hầu hết các tỉnh thành phía Bắc, đảm bảo khả năng tiếp cận thị trường và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong khu vực này.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Năm	Sự kiện nổi bật
1995	Ngày 16/09/1995, khởi công xây dựng Nhà máy Đường Sơn La, tiền thân của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La, do Nông trường Quốc doanh Tô Hiệu Sơn La trực tiếp quản lý.
1996	Tháng 04/1996, thành lập Công ty Mía đường Sơn La trên cơ sở UBND tỉnh Sơn La chuyển giao nhiệm vụ xây dựng Nhà máy Đường Sơn La từ Nông trường Quốc doanh Tô Hiệu; đồng thời đổi tên Nhà máy thành Công ty Mía đường Sơn La.
1997	Tháng 08/1997, UBND tỉnh Sơn La quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Mía đường Sơn La trực thuộc UBND tỉnh Sơn La.
2007	Tháng 04/2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 419/TTg-NN về việc sắp xếp, đổi mới Công ty Mía đường Sơn La. Tháng 11/2007, UBND tỉnh Sơn La phê duyệt phương án cơ cấu tài chính và chuyển đổi sở hữu Công ty từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần.
2008	Ngày 01/02/2008, UBND tỉnh Sơn La ủy quyền cho Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp (DATC) tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập CTCP Mía đường Sơn La, công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.
2012	Tháng 09/2012, Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SLS, mở ra giai đoạn phát triển mới với sự minh bạch và mở rộng kênh huy động vốn.
2015	Ngày 31/10/2015, Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đại diện phần vốn góp Nhà nước đã chính thức thoái hết phần vốn góp của Nhà nước tại CTCP Mía đường Sơn La; từ đây, CTCP Mía đường Sơn La không còn vốn nhà nước, hoạt động hoàn toàn theo cơ chế thị trường.
2016	Nâng công suất nhà máy đường RS từ 2.200 lên 3.000 tấn mía/ngày, tăng năng lực chế biến, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của người tiêu dùng.
2017	Tăng vốn điều lệ lên 81,59 tỷ đồng, củng cố nền tảng tài chính cho các kế hoạch mở rộng sản xuất.
2018	Tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 97,91 tỷ đồng; đồng thời nâng công suất nhà máy đường RS lên 5.000 tấn mía/ngày. Đây cũng là giai đoạn thay đổi và nâng cấp hầu hết thiết bị nhà máy, áp dụng hệ thống tự động hóa, công nghệ tiên tiến theo tiêu chuẩn G7, nhiều thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Ấn Độ, Nhật Bản.
2021	Nâng công suất nhà máy đường RS lên 5.200 tấn mía/ngày, khẳng định vị thế trong ngành mía đường Việt Nam.
2024	Hưởng lợi lớn từ chu kỳ giá đường toàn cầu tăng mạnh, SLS đạt lợi nhuận sau thuế kỷ lục hơn 526 tỷ đồng; đồng thời thông qua mức cổ tức kỷ lục 200% bằng tiền mặt, trở thành một trong những doanh nghiệp niêm yết có chính sách cổ tức hấp dẫn nhất thị trường.
2025	Công ty tiếp tục chiến lược ổn định vùng nguyên liệu – tối ưu công nghệ – nâng cao hiệu quả chế biến, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông.

THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÁC SỰ KIỆN KHÁC

Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba, ghi nhận những đóng góp to lớn của Công ty đối với sự phát triển kinh tế – xã hội

Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tặng Bằng khen cho Công ty vì đã thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT cho người lao động

Công đoàn ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La tặng Cờ dẫn đầu phong trào “Xanh – sạch – đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”

Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc, ghi nhận thành tích hoàn thành toàn diện nhiệm vụ công tác và dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của tỉnh Sơn La

Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La nhiều lần tặng Cờ thi đua xuất sắc và Bằng khen cho Công ty vì thành tích nổi bật trong các phong trào thi đua yêu nước

Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng khen cho Công đoàn cơ sở Công ty vì thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La (SLS) hiện nay không chỉ dừng lại ở vai trò nhà sản xuất đường truyền thống, mà đã từng bước mở rộng và phát triển đa ngành theo mô hình chuỗi giá trị khép kín trong lĩnh vực mía đường. Cấu trúc hoạt động bao gồm:



» **Sản xuất và kinh doanh đường:** Đây là lĩnh vực cốt lõi, tạo nguồn doanh thu chủ lực cho Công ty. SLS sản xuất các loại đường RS, RE với nhiều quy cách đóng gói (túi 0,5 kg, 1 kg, bao 50 kg), phục vụ nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đặc biệt sang thị trường Trung Quốc. Hoạt động sản xuất được hỗ trợ bởi công nghệ hiện đại, công suất lên tới hơn 5.000 tấn mía/ngày, đảm bảo chất lượng ổn định và hiệu quả kinh tế cao.

» **Sản phẩm phụ và dịch vụ nông nghiệp:** SLS tận dụng phụ phẩm từ sản xuất đường như bã mía, bùn lọc để sản xuất phân bón vi sinh và phân hữu cơ. Đồng thời, Công ty còn cung ứng giống mía mới có năng suất, chất lượng cao cho nông dân, qua đó phát triển vùng nguyên liệu bền vững, gia tăng lợi ích kép: nâng cao thu nhập cho nông dân và ổn định nguồn cung mía cho nhà máy.

» **Thương mại – kinh doanh xăng dầu:** Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực thương mại với việc Công ty kinh doanh xăng dầu, cung cấp kịp thời, đáp ứng nhu cầu cho các phương tiện chuyên chở hàng hóa trong nội bộ Công ty. Đây vừa là mảng kinh doanh bổ trợ, vừa giúp Công ty chủ động trong việc cung ứng nhiên liệu cho sản xuất và phân phối tại địa phương.

» **Dịch vụ logistics – vận tải và kho bãi:** Nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng, SLS cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ, hỗ trợ vận chuyển mía từ vùng nguyên liệu về nhà máy và đưa sản phẩm đường tới tay khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn khai thác dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa, góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh.

» **Xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất và vùng nguyên liệu:** SLS chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng vùng nguyên liệu như hệ thống kênh mương nội đồng, đường giao thông nông thôn và các công trình phục vụ sản xuất. Những hoạt động này không chỉ giúp việc vận chuyển mía thuận lợi hơn mà còn tạo điều kiện cải thiện đời sống kinh tế – xã hội tại địa phương, khẳng định vai trò của SLS trong phát triển bền vững.



THÔNG TIN CHUNG

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Mã ngành	Tên ngành
0114	Trồng cây mía
0130	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
1072 (chính)	Sản xuất đường Chi tiết: Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
3314	Sửa chữa thiết bị điện
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
3510	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
4100	Xây dựng nhà các loại
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Làm kênh mương nội đồng và giao thông vùng nguyên liệu mía.
4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng
4321	Lắp đặt hệ thống điện



Mã ngành	Tên ngành
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
4329	Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động; các loại cửa tự động; hệ thống đèn chiếu sáng; hệ thống hút bụi;
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột
4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn cồn,mật - Kinh doanh mía giống, mía nguyên liệu
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

THÔNG TIN CHUNG

3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La hoạt động theo mô hình quản trị gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

» **Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

» **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

» **Ban Kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Công ty.

» **Tổng Giám đốc:** Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có.



THÔNG TIN CHUNG

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- » **Ổn định và mở rộng vùng nguyên liệu mía:** duy trì diện tích canh tác, hỗ trợ nông dân giống mới, phân bón, kỹ thuật để đảm bảo chất lượng và sản lượng mía. Đây là mục tiêu xuyên suốt từ thời điểm cổ phần hóa đến nay.
- » **Nâng cao năng lực sản xuất – chế biến:** tiếp tục đầu tư cải tiến công nghệ, tự động hóa dây chuyền, công suất ổn định.
- » **Hiệu quả tài chính – tối đa hóa giá trị cho cổ đông:** duy trì tỷ suất lợi nhuận cao, cổ tức hấp dẫn, đảm bảo phân phối hài hòa lợi ích giữa công ty, cổ đông và người lao động.
- » **Chất lượng và thương hiệu:** nâng cao uy tín sản phẩm đường RS, RE; mở rộng kênh phân phối trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu.
- » **Phát triển bền vững:** gắn tăng trưởng với bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng và trách nhiệm xã hội.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trong giai đoạn trung và dài hạn, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La định hướng phát triển dựa trên ba trụ cột: **ổn định vùng nguyên liệu – nâng cao năng lực chế biến – mở rộng thị trường tiêu thụ, đồng thời gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững. Cụ thể:**

» Phát triển và ổn định vùng nguyên liệu:

- Duy trì diện tích trồng mía ở mức ổn định, rà soát quỹ đất phù hợp, từng bước mở rộng vùng nguyên liệu ở các khu vực tiềm năng.
- Nghiên cứu, khảo nghiệm và nhân rộng các giống mía mới có năng suất, chữ đường cao, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong khâu canh tác, thu hoạch, vận chuyển để giảm chi phí và nâng cao hiệu quả.
- Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư, hỗ trợ nông dân (giống, phân bón, kỹ thuật, hạ tầng) nhằm tạo sự gắn bó lâu dài và chia sẻ lợi ích hài hòa giữa Công ty và người trồng mía.

» Mở rộng thị trường và phát triển thương hiệu:

- Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, củng cố quan hệ với khách hàng truyền thống, đồng thời mở rộng thị phần trong nước.
- Phát triển nhiều kênh phân phối để tăng tốc độ tiêu thụ, giảm tồn kho, nâng cao vòng quay vốn.
- Duy trì hoạt động xuất khẩu, khai thác thị trường Trung Quốc và tìm kiếm các thị trường tiềm năng khác trong khu vực.
- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, xây dựng và phát triển thương hiệu “Đường Sơn La” gắn liền với chất lượng và uy tín.

» Nâng cao năng lực chế biến và công nghệ:

- Rà soát, bảo dưỡng và cải tạo dây chuyền sản xuất hiện hữu để đảm bảo ổn định công suất trên 5.000 tấn mía/ngày.
- Tăng cường áp dụng sản xuất tinh nghệ và tự động hóa trong các khâu chế biến, nhằm giảm tổn thất, nâng cao hiệu suất thu hồi và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí sản xuất, hướng tới các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng và môi trường.
- Khai thác tối đa giá trị từ phụ phẩm: sản xuất phân bón hữu cơ, phân vi sinh, cung ứng cho nông dân và thị trường; tận dụng bã mía, rỉ mật phục vụ sản xuất và thương mại.

» Quản trị – tài chính – nhân sự:

- Nâng cao năng lực quản trị tài chính, sử dụng hiệu quả vốn, kiểm soát chi phí chặt chẽ để duy trì tỷ lệ lợi nhuận ổn định.
- Kien toàn bộ máy tổ chức tinh gọn, chuyên nghiệp, đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật, đặc biệt là nguồn nhân lực vận hành nhà máy.
- Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định và phúc lợi đầy đủ cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc an toàn và bền vững.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La xác định phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh. Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

1

KINH TẾ

- Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, đảm bảo cơ cấu tài chính lành mạnh.
- Tối đa hóa giá trị cho cổ đông thông qua chính sách cổ tức hợp lý, ổn định và minh bạch.

2

XÃ HỘI

- Tiếp tục coi cây mía là “cây xóa đói giảm nghèo bền vững”, đồng hành cùng nông dân phát triển vùng nguyên liệu, nâng cao thu nhập và đời sống.
- Đóng góp tích cực vào chương trình xây dựng nông thôn mới tại các địa phương vùng nguyên liệu.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, khuyến học, từ thiện.

3

NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động với mức thu nhập ngày càng được cải thiện.
- Thực hiện đầy đủ chế độ tiền lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm theo quy định pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, khuyến khích sáng kiến và nâng cao tay nghề.

4

MÔI TRƯỜNG

- Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải, chất thải, bảo đảm tuân thủ các quy định về môi trường.
- Tận dụng phụ phẩm sản xuất (bã mía, bùn lọc, rỉ mật) để sản xuất phân bón vi sinh, phân hữu cơ, góp phần giảm ô nhiễm và cải tạo đất nông nghiệp.
- Duy trì và mở rộng các chứng chỉ quản lý chất lượng và môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9001, ISO 14001).

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Thực hiện quản trị theo nguyên tắc minh bạch, hiệu quả, gắn trách nhiệm của HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát trong giám sát, điều hành.
- Công bố thông tin kịp thời, chính xác, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và thông lệ quản trị tiên tiến.
- Xây dựng quan hệ lâu dài, hài hòa lợi ích với cổ đông, đối tác, khách hàng và cộng đồng.

4.

Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị

5.

Quản trị Công ty

6.

Báo cáo tài chính

17



16

1.

Thông tin chung

2.

Tình hình hoạt động

3.

Báo cáo và đánh giá của Ban TGD

THÔNG TIN CHUNG

5. CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Trong niên độ 2024-2025, nền kinh tế toàn cầu được kỳ vọng sẽ duy trì đà tăng trưởng tích cực, bất chấp những thách thức tiềm tàng về chính trị và sự biến động của lạm phát. Các dấu hiệu cho thấy áp lực lạm phát đang dần hạ nhiệt, tạo điều kiện để các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới nới lỏng chính sách tiền tệ, từ đó kích thích tăng trưởng kinh tế và hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tại Việt Nam, bối cảnh vĩ mô càng trở nên khả quan hơn. Nền kinh tế quốc gia tiếp tục ghi nhận những thành tựu ấn tượng, hầu hết vượt xa dự báo từ các tổ chức kinh tế hàng đầu thế giới. Yếu tố then chốt dẫn đến sự phục hồi này chính là nhờ chính sách tiền tệ linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước. Việc duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động sản xuất và đầu tư.

Tuy nhiên, bức tranh tươi sáng của kinh tế vĩ mô lại không hoàn toàn đồng điệu với ngành đường. Giá đường toàn cầu đang trải qua xu hướng giảm rõ rệt, chạm mức thấp nhất trong vòng 4 năm qua. Nguyên nhân chính đến từ sự gia tăng nguồn cung mạnh mẽ từ các "ông lớn" xuất khẩu như Brazil, Ấn Độ và Thái Lan. Hậu quả là, thị trường đang phải đối mặt với làn sóng đường gian lận, trốn thuế tràn lan, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các nhà sản xuất đường chính thống.



Các doanh nghiệp đường Việt Nam cũng không nằm ngoài vùng ảnh hưởng tiêu cực này. Vấn nạn đường nhập lậu, đặc biệt từ Thái Lan qua Campuchia và Lào, tiếp tục bóp méo thị trường, tạo ra áp lực giảm giá và đẩy mức tồn kho nội địa lên kỷ lục. Tình trạng này đã buộc nhiều nhà máy phải đóng cửa, đồng thời khiến nông dân chuyển đổi sang các loại cây trồng khác, giải thích cho xu hướng giảm giá đường mía tại Việt Nam từ đầu năm đến nay.

Trước những rủi ro hiện hữu, công ty đã chủ động trong công tác dự báo và ứng phó, triển khai các biện pháp thiết thực để duy trì và củng cố mối quan hệ chiến lược với các hộ nông dân trồng mía, đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định. Song song đó, SLS cũng tăng cường gắn kết với các khách hàng, củng cố vị thế thị trường.

Trong niên độ tới, SLS đặt mục tiêu tiếp tục khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh, chủ động tiếp cận và ứng dụng những công nghệ sản xuất mía đường tiên tiến nhất. Đồng thời, công tác đảm bảo vệ sinh môi trường sẽ được chú trọng, nhằm hướng tới mô hình phát triển bền vững, mang lại lợi ích không chỉ cho công ty mà còn cho xã hội và cộng đồng nói chung.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một Công ty Cổ phần với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Công ty hoạt động trong một khuôn khổ pháp lý chặt chẽ. Do đó, công ty phải chịu sự chi phối và ảnh hưởng sâu rộng từ nhiều đạo luật quan trọng như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Thương mại, cùng với hàng loạt các Nghị định, Thông tư và văn bản pháp luật liên quan khác. Việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định này là nền tảng vững chắc cho hoạt động của công ty.

Những năm gần đây, để bắt kịp xu thế chung và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, hệ thống luật pháp Việt Nam cũng đang liên tục được cập nhật và hoàn thiện. Một số luật đã chính thức có hiệu lực như Luật đất đai 2024 có tác động đến doanh nghiệp. Các quy định, chế tài ngày càng trở nên cụ thể và chặt chẽ hơn, hướng tới việc đảm bảo tính minh bạch và công bằng cho tất cả các chủ thể tham gia thị trường.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc tuân thủ, SLS luôn thể hiện sự chủ động cao trong việc cập nhật và tìm hiểu các thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế nói chung và đặc thù ngành mía đường nói riêng. Nhờ vậy, công ty có thể chủ động điều chỉnh cơ chế vận hành và các quy trình nội bộ sao cho phù hợp nhất với pháp luật hiện hành của Nhà nước, từ đó tránh được những rủi ro pháp lý đáng tiếc có thể gây tác động tiêu cực đến tình hình kinh doanh, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững cho doanh nghiệp.



THÔNG TIN CHUNG

5. CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ VÙNG NGUYÊN LIỆU

Nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và bền vững, đối phó với những rủi ro về thiếu hụt, không ổn định vùng nguyên liệu và ảnh hưởng của thời tiết cực đoan, trong niên độ 2024-2025, Công ty đã tiếp tục củng cố mối quan hệ chiến lược với hơn 10.000 hộ nông dân tại các huyện Mai Sơn, Yên Châu và Bắc Yên của tỉnh Sơn La thông qua các hợp đồng liên kết trồng mía chặt chẽ.

Công ty đã và đang triển khai đồng bộ nhiều chính sách đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu, tập trung vào việc nâng cao năng suất canh tác thâm canh. Cụ thể, SLS tổ chức thường xuyên các hội thảo, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật về chăm sóc, phòng chống sâu bệnh cho cây mía, giúp nông dân nâng cao kỹ năng sản xuất. Để giải quyết rủi ro về chi phí lao động, công ty còn hỗ trợ cơ giới hóa khâu làm đất và vận chuyển, đồng thời thành lập các tổ đối công nhằm tiết kiệm chi phí thuê nhân công, góp phần hạ giá thành sản xuất và tăng thu nhập cho người nông dân.

Đặc biệt, nhằm đối phó với rủi ro về chất lượng và năng suất mía, SLS liên tục khảo nghiệm và đưa vào trồng đại trà những giống mía mới, mía chín sớm, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng địa phương.

Công ty cũng cung ứng bộ phân bón chuyên dụng để cải tạo đất, đảm bảo nâng cao năng suất, chữ đường và hạ giá thành mía nguyên liệu.

SLS kiên định thực hiện phương châm “bảo đảm hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và người trồng mía”, xây dựng mối liên kết bền vững. Xí nghiệp đã chỉ đạo nhân viên quản lý địa bàn phối hợp chặt chẽ với ban quản lý các bản trồng mía, lắng nghe ý kiến nông dân để xây dựng lịch thu hoạch và vận chuyển công bằng, hợp lý. Công ty đặc biệt chú trọng phát hiện và xử lý kịp thời những biểu hiện tiêu cực trong công tác nguyên liệu, giúp bà con nông dân yên tâm sản xuất.

Cuối cùng, để đảm bảo công suất nhà máy luôn đạt 5.200 tấn mía cây/ngày, công ty đã tổ chức hàng trăm chuyến xe tải vận chuyển mía về nhà máy mỗi ngày. Ngoài việc ký cam kết với các chủ phương tiện về an toàn giao thông và tuân thủ tải trọng, SLS còn tạo điều kiện cho con em nông dân trồng mía tham gia dịch vụ vận chuyển, góp phần giải quyết việc làm và tăng thêm thu nhập, củng cố mối quan hệ cộng đồng bền chặt.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

SLS luôn kiên định với định hướng phát triển bền vững, cân bằng giữa mục tiêu kinh tế và trách nhiệm môi trường. Nhận thức rõ về việc phát thải là một phần tất yếu của quá trình sản xuất, Công ty đã và đang nỗ lực giảm thiểu tối đa các rủi ro về môi trường, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định bảo vệ môi trường.

Để kiểm soát hiệu quả nước thải, SLS đã đầu tư hai hệ thống xử lý hiện đại với tổng công suất 2.900m³/ngày đêm. Nhờ vậy, mọi hóa chất độc hại đều được xử lý triệt để trước khi xả ra môi trường, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn.

Về kiểm soát khí thải, Công ty chủ động trang bị hệ thống quan trắc tự động tại các ống khói lò hơi cao áp. Hệ thống này đang được kết nối trực tiếp với Sở Tài nguyên và Môi trường, cho phép cơ quan quản lý giám sát liên tục và đảm bảo lượng khí thải luôn nằm trong giới hạn cho phép.

Đối với chất thải nguy hại, SLS thực hiện thu gom, lưu giữ an toàn trong kho chuyên dụng (100m²) với đầy đủ nhãn mác theo quy định. Công tác quan trắc môi trường định kỳ cũng được tiến hành nghiêm túc, các thông số đều đạt chuẩn quy định hiện hành. Không dừng lại ở đó, công ty còn thực hiện việc đổi mới trong công tác tối ưu hóa xử lý chất thải rắn từ quá trình sản xuất. Cụ thể, bã mía được tận dụng hiệu quả làm nguyên liệu đốt cho lò hơi, vừa giảm chi phí năng lượng vừa góp phần giảm thiểu chất thải. Phần tro và bã bùn còn lại sau quá trình đốt sẽ được thu gom để sản xuất phân bón, hoàn thiện một quy trình khép kín, biến chất thải thành tài nguyên có giá trị, góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững của công ty.

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro đã đề cập, công ty còn đối mặt với các rủi ro bất khả kháng, dù ít xảy ra nhưng lại tiềm ẩn thiệt hại khổng lồ. Đó có thể là các thảm họa tự nhiên như động đất, lũ lụt, hay những sự kiện bất ngờ như dịch bệnh và khủng hoảng kinh tế quy mô lớn. Khi những rủi ro này ập đến, chúng có khả năng gây ra tổn thất tài sản nghiêm trọng, làm đình trệ hoạt động kinh doanh, thậm chí đe dọa an toàn tính mạng con người và làm thay đổi hoàn toàn cục diện phát triển của công ty.

Nhận thức rõ mức độ nghiêm trọng của chúng, công ty luôn đặt ưu tiên hàng đầu vào việc theo dõi và nắm bắt thông tin kịp thời. Bằng cách này, SLS có thể đưa ra các biện pháp phòng vệ rủi ro chủ động, nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thông suốt ngay cả trong những tình huống bất ngờ nhất.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 24 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 26 Tổ chức và nhân sự
- 30 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 31 Tình hình tài chính
- 34 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 36 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

9.430_{Ha}

TỔNG DIỆN TÍCH MÍA THU HOẠCH

524.993_{Tấn}

TỔNG SẢN LƯỢNG MÍA THU MUA

Trong niên vụ 2024–2025, hoạt động sản xuất của Công ty tiếp tục gặp nhiều thách thức do biến đổi khí hậu diễn biến cực đoan và kéo dài. Tình trạng hạn hán và ngập úng đã ảnh hưởng nặng nề đến vùng nguyên liệu mía, khiến năng suất và sản lượng giảm sút so với vụ trước. Cụ thể, diện tích mía dự kiến thu hoạch đạt 9.430 ha, tăng 284 ha so với vụ trước, song phần lớn diện tích mở rộng lại nằm ở những vùng đồi dốc, xa nhà máy, trong khi các vùng truyền thống có điều kiện thuận lợi lại chịu áp lực cạnh tranh với cây trồng khác. Tổng sản lượng mía thu mua chỉ đạt 90,58% kế hoạch, phản ánh rõ ảnh hưởng bất lợi của thời tiết khắc nghiệt.

Để chủ động ứng phó, Công ty đã tập trung đầu tư, chăm sóc vùng nguyên liệu, kịp thời hỗ trợ người dân giống, phân bón và vốn, góp phần duy trì ổn định diện tích và bảo đảm nguồn nguyên liệu cho sản xuất. Song song đó, Công ty triển khai chương trình khảo nghiệm 05 giống mía mới có khả năng chịu hạn, chịu rét, chữ đường cao, năng suất tốt, bước đầu nhân rộng trên diện tích 3,5 ha để đánh giá khả năng thích nghi trước khi đưa vào sản xuất đại trà.

Trong hoạt động chế biến, Công ty tăng cường kiểm soát và cải tiến công tác quản lý điều hành, đẩy mạnh công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị trước vụ sản xuất, đầu tư nâng cấp thiết bị nhằm tiết kiệm nhiên liệu, tăng hiệu suất thu hồi và cải thiện chất lượng sản phẩm. Nhờ đó, tỷ lệ mía/đường và mức tiêu hao nhiều loại hóa chất chính thấp hơn kế hoạch, công tác phòng chống cháy nổ và an toàn lao động được đảm bảo, không xảy ra tai nạn nghiêm trọng trong vụ sản xuất. Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động sản xuất vẫn còn một số hạn chế như hiệu suất an toàn thiết bị chưa đạt kế hoạch, chỉ số Pol bùn cao, độ màu đường thành phẩm lớn và thời gian nấu đường kéo dài.

Đặc biệt, Công ty đã hợp tác với Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật công trình Minh Sốc Quảng Tây (Trung Quốc) để áp dụng quy trình quản lý sản xuất tinh nghệ. Các chuyên gia tư vấn trực tiếp hướng dẫn tại nhiều công đoạn trọng yếu như cán ép, chế luyện, nấu đường, lò hơi, tua-bin phát điện, hóa nghiệm. Việc áp dụng các quy phạm mới về kiểm tu, bảo dưỡng, an toàn thiết bị, an toàn lao động và quản lý thông số công nghệ đã bước đầu phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý sản xuất và vận hành nhà máy theo hướng hiện đại, tiết kiệm và an toàn hơn.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	Khoản mục	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	%Thực hiện/KH
1	Diện tích trồng mía	Ha	9.500	9.430	99,26%
2	Năng suất mía	Tấn/ha	61	55,6	91,15%
3	Tổng sản lượng mía	Tấn	579.500	524.993	90,58%

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất của Công ty trong niên vụ 2024–2025 vẫn đạt được một số chỉ tiêu tích cực nhưng chưa hoàn thành toàn bộ kế hoạch đề ra:

Diện tích vùng nguyên liệu: đạt 9.430 ha, tăng so với vụ trước nhưng chưa đáp ứng mục tiêu ổn định vùng nguyên liệu gần nhà máy.

DIỆN TÍCH VÙNG
NGUYÊN LIỆU

Sản lượng mía thu mua: chỉ đạt 90,58% so với kế hoạch do ảnh hưởng nặng nề của hạn hán kéo dài và ngập úng cục bộ.

SẢN LƯỢNG MÍA
THU MUA

Chỉ tiêu kỹ thuật: tỷ lệ mía/đường và mức tiêu hao hóa chất chính thấp hơn kế hoạch, phản ánh sự nỗ lực trong tiết kiệm chi phí và cải thiện hiệu quả sản xuất; tuy nhiên, hiệu suất an toàn thiết bị và chất lượng đường thành phẩm chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

CHỈ TIÊU
KỸ THUẬT

Công tác quản lý sản xuất tinh nghệ: bước đầu mang lại hiệu quả tích cực, nhưng vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện và cần tiếp tục triển khai đồng bộ trong các niên vụ tiếp theo.

CÔNG TÁC
QUẢN LÝ SẢN XUẤT
TINH NGHỆ

Nhìn chung, hoạt động sản xuất trong năm tuy chưa đạt toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch, nhưng Công ty đã thể hiện sự nỗ lực lớn trong duy trì ổn định vùng nguyên liệu, đổi mới công nghệ và cải tiến quản lý. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm và hướng tới hoàn thành tốt hơn các mục tiêu trong vụ 2025–2026.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Ngọc Hiếu	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	131.731	1,35%
2	Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0	0%
3	Nguyễn Thị Khương	Kế toán trưởng	924	0,0094%

 THÔNG TIN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông **TRẦN NGỌC HIẾU**
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Ngày sinh: 12/10/1956
Trình độ chuyên môn:
Quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

1976 – 1981 : Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia.

1982 – 1997 : Chuyên ngành Kinh doanh Lương thực thực phẩm.

2015 : CTCP Chứng khoán Việt Quốc

2015 – nay : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty CP Đường Kon Tum
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Mía đường Cần Thơ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 131.731 cổ phiếu, chiếm 1,35% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

- Tạ Ngọc Hương (Vợ): 283.392 cổ phiếu, chiếm 2,89% vốn điều lệ.
- Trần Thị Thái (Chị ruột): 2.686.060 cổ phiếu, chiếm 27,43% vốn điều lệ



Ông **THÁI VĂN HÙNG**
TV HĐQT kiêm Phó TGD

Ngày sinh: 26/02/1972
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân khoa học

Quá trình công tác:

1995 – 1996 : Kỹ thuật viên phòng kỹ thuật CTCP Mía đường Tuy Hòa

1996 – 2000 : Phó quản đốc Phân xưởng sản xuất đường CTCP Mía đường Tuy Hòa

2001 – 2011 : Trưởng phòng kỹ thuật – KCS CTCP Mía đường Tuy Hòa

2011 - 07/2016 : Trưởng phòng Vật tư, đầu tư và xây dựng cơ bản CTCP Mía đường Tuy Hòa

07/2016 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Sơn La

09/2018 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum

09/2020 – nay : Phó Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La

09/2021 – 09/2024 : Phó Tổng Giám đốc CTCP Đường Kon Tum

03/2023 – nay : Thành viên độc lập HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty CP Đường Kon Tum
- Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Dược phẩm Tipharco
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Mía đường Tuy Hòa

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:
0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà **NGUYỄN THỊ KHƯƠNG**
Kế toán trưởng

Ngày sinh: 16/12/1969
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

07/1998 - 03/1993 : Công nhân Nông trường Tô Hiệu

04/1993 - 04/1997 : Kế toán đội SX Nông trường Tô Hiệu

05/1997 - 08/2009 : Kế toán Công ty cổ phần mía đường Sơn La

09/2009 - 01/2017 : Phó phòng TCKT Công Ty CPMĐ Sơn La

02/2017 - nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 924 cổ phiếu, chiếm 0,0094% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:
Nguyễn Thị Lương (em): 115 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Không có

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	330	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	47	14,24%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	96	29,09%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	127	38,49%
4	Lao động phổ thông	60	18,18%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	330	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	220	67,00%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	110	33,00%
III	Theo giới tính	330	100,00%
1	Nam	240	73,00%
2	Nữ	90	27,00%

 THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.500.000	7.800.000	8.200.000	8.950.000	8.720.000

 CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Trong niên độ 2024–2025, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La luôn coi nguồn nhân lực là yếu tố then chốt, quyết định sự phát triển bền vững. Với đặc thù ngành sản xuất mía đường thâm dụng lao động, Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ và xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp.

Về công tác lao động

Đội ngũ nhân sự của Công ty duy trì ổn định với tổng số 330 lao động, toàn bộ đã được ký kết hợp đồng đầy đủ theo quy định. Chất lượng lao động ngày càng được nâng cao, tinh thần trách nhiệm và ý thức kỷ luật được cải thiện rõ rệt, góp phần đáng kể trong việc tiết giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Công ty cũng chú trọng tuyển dụng những ứng viên có năng lực kỹ thuật, kinh nghiệm thực tiễn và thái độ làm việc chuyên nghiệp, sẵn sàng gắn bó và đồng hành lâu dài với sự phát triển của Công ty.

Về công tác tiền lương và thu nhập

Công ty luôn xác định thu nhập ổn định là yếu tố then chốt để giữ chân và khuyến khích người lao động cống hiến. Tiền lương được chi trả đầy đủ, kịp thời theo đúng hợp đồng lao động đã ký kết. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện chi trả lương tháng thứ 13 vào dịp cuối năm nhằm kịp thời động viên tập thể người lao động đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. Chế độ làm việc được duy trì hợp lý, không vượt quá 48 giờ/tuần, đảm bảo người lao động được nghỉ các ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ có lương theo quy định pháp luật; trường hợp làm thêm giờ đều được tính toán và chi trả đầy đủ theo luật định.

Về môi trường làm việc

Công ty xây dựng môi trường chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện. Ban lãnh đạo chú trọng trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động theo nguyên tắc “an toàn là ưu tiên hàng đầu”, đồng thời duy trì cơ sở vật chất, tiện ích hiện đại, tạo điều kiện để người lao động an tâm công tác, phát huy năng lực và gắn bó lâu dài. Văn hóa doanh nghiệp được nuôi dưỡng dựa trên tinh thần đoàn kết, hợp tác và sáng tạo, trở thành động lực quan trọng để toàn thể cán bộ công nhân viên cùng đồng hành và phát triển cùng Công ty.

Về công tác đào tạo

Công ty triển khai các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, tay nghề và tác phong công nghiệp cho cán bộ, công nhân. Các khóa đào tạo được thiết kế gắn liền với thực tiễn sản xuất, kết hợp lý thuyết và kinh nghiệm thực tế, nhằm tối ưu hóa hiệu suất làm việc và chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển bền vững trong tương lai.

Về phúc lợi và đời sống người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ tiền thưởng, ăn ca, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách phúc lợi khác theo quy định. Tổng kinh phí chăm lo đời sống tinh thần của người lao động trong năm đạt khoảng 3 tỷ đồng, thông qua các hoạt động như tham quan nghỉ mát, tặng quà vào dịp Lễ, Tết, ngày vào vụ... Bên cạnh đó, Công đoàn Công ty cũng dành nguồn kinh phí hơn 508 triệu đồng để thăm hỏi, động viên người lao động trong các trường hợp ốm đau, hiếu hỷ, khen thưởng khuyến học và tổ chức các hoạt động phong trào.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong niên độ 2024-2025, mặc dù tình hình tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn do thị trường đường thế giới và trong nước biến động mạnh, Công ty vẫn chủ động dành nguồn lực cho các khoản đầu tư trọng điểm, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo an toàn vận hành và chuẩn bị cho các vụ chế biến tiếp theo.

Đầu tư nâng cấp thiết bị chế biến:

- Công ty đã thực hiện nhiều hạng mục sửa chữa, bảo dưỡng và đầu tư mới một số thiết bị quan trọng trong dây chuyền sản xuất nhằm tiết kiệm hơi, tiết kiệm nhiên liệu, tăng hiệu suất thu hồi và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Đặc biệt, Công ty đã thay mới hệ thống lò đốt lưu huỳnh, tháp xôn khí SO₂, hệ thống điều chỉnh pH vận hành tự động, góp phần cải thiện độ màu đường thành phẩm và nâng cao tính ổn định trong quá trình sản xuất.

Đầu tư phục hồi, cải tiến thiết bị lọc bùn:

- Ban Điều hành đã thuê đơn vị sản xuất trống lọc bùn từ Trung Quốc tiến hành khảo sát, sửa chữa và phục hồi đầy đủ tính năng cho hai trống lọc có diện tích 55 m² và 45 m², nhằm giảm pol bùn, tăng hiệu suất thu hồi đường, qua đó gia tăng giá trị sản phẩm.

Hợp tác tư vấn áp dụng quy trình quản lý sản xuất tinh nghệ:

- Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật công trình Minh Sốc Quảng Tây (Trung Quốc) để triển khai áp dụng hệ thống quản lý sản xuất tinh nghệ.
- Các chuyên gia tư vấn trực tiếp hướng dẫn công tác kỹ thuật và quản lý sản xuất tại nhiều khâu then chốt như: cán ép, chế luyện, nấu đường, lò hơi, tua-bin phát điện, hóa nghiệm.
- Đây là khoản đầu tư có ý nghĩa lâu dài, giúp chuẩn hóa quy trình quản lý sản xuất, nâng cao tay nghề cán bộ công nhân viên, giảm tổn thất, tiết kiệm chi phí và tăng năng suất.

Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và khảo nghiệm giống:

- Công ty triển khai chương trình khảo nghiệm và nhân nhanh 05 giống mía mới có khả năng chịu hạn, chịu rét, chữ đường cao, từng bước thay thế các giống đã thoái hóa.
- Đầu tư xây dựng hai khu vực khảo nghiệm với tổng quy mô 2,65 ha (giống cấy mô, hom một mắt mầm nhập từ Trung Quốc), đồng thời đưa vào nhân nhanh 05 giống tại vùng nguyên liệu với quy mô 3,5 ha.
- Đây là cơ sở quan trọng để đa dạng hóa giống, nâng cao năng suất và chất lượng vùng nguyên liệu, giảm rủi ro từ biến đổi khí hậu.

Đầu tư sản xuất và tiêu thụ sản phẩm phụ:

- Công ty tiếp tục duy trì và đầu tư sản xuất phân vi sinh, phân hữu cơ từ phụ phẩm chế biến mía đường. Trong niên vụ 2024-2025 đã sản xuất và cung cấp 2.482 tấn phân vi sinh và 27.057 tấn phân bón, toàn bộ được tiêu thụ hết cho nông dân trong vùng nguyên liệu, vừa mang lại hiệu quả kinh tế vừa góp phần bảo vệ môi trường.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Niên độ 2024-2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố bất lợi: thời tiết cực đoan kéo dài (khô hạn, ngập úng) làm thiệt hại hàng trăm hecta mía nguyên liệu; áp lực cạnh tranh từ cây trồng thay thế khiến vùng nguyên liệu ngày càng xa nhà máy, chi phí vận chuyển tăng cao; trong khi thị trường tiêu thụ tiếp tục khó khăn bởi đường nhập lậu, gian lận thương mại và sự gia tăng các sản phẩm thay thế như sirô ngô (HFCS). Giá nguyên liệu và hóa chất đầu vào leo thang cũng tạo sức ép lớn lên chi phí sản xuất.

Trong bối cảnh đó, sức mạnh tài chính và khả năng điều hành linh hoạt của Công ty đã được phát huy tối đa. Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã triển khai đồng bộ các giải pháp: điều chỉnh chính sách thu mua mía, tối ưu chi phí, chủ động thời điểm tiêu thụ sản phẩm và tăng cường quản trị tài chính. Nhờ vậy, Công ty không chỉ vượt qua khó khăn mà còn đạt kết quả tài chính ấn tượng, vượt xa kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2024 giao phó.

Đơn vị: Triệu đồng

NIÊN ĐỘ 2024-2025

374,21 Tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

100%

TỶ LỆ TRẢ CỔ TỨC/ VDL

STT	Chỉ tiêu	Niên độ 2023-2024	Niên độ 2024-2025	Tỷ lệ % TH 2024- 2025/ TH 2023-2024
1	Tổng giá trị tài sản	1.695.681	2.083.459	22,87%
2	Doanh thu thuần	1.411.694	1.160.883	(17,77%)
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	532.353	380.519	(28,52%)
4	Lợi nhuận khác	(87)	634	826,06%
5	Lợi nhuận trước thuế	532.265	381.153	(28,39%)
6	Lợi nhuận sau thuế	526.359	374.209	(28,91%)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	268,77%	261,17%	97,17%
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức	200%	100%	50,00%



VỀ CHI TRẢ CỔ TỨC BẰNG TIỀN NIÊN ĐỘ 2023-2024

Theo phương án phân phối lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 200%/vốn điều lệ. Việc chi trả cổ tức niên độ 2023-2024 đã được Công ty thực hiện hoàn tất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Niên độ 2023-2024	Niên độ 2024-2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	8,00	4,35
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,94	2,91
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	8,31%	17,08%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	9,06%	20,60%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,34	1,66
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,93	0,61
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	37,29%	32,23%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	38,48%	22,80%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	34,66%	19,80%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh / Doanh thu thuần	%	37,71%	32,78%



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong niên độ 2024-2025, khả năng thanh toán của Công ty vẫn duy trì ở mức an toàn nhưng đã có sự điều chỉnh so với kỳ trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 8,00 lần xuống 4,35 lần; hệ số thanh toán nhanh cũng giảm từ 4,94 lần xuống 2,91 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do nợ ngắn hạn tăng mạnh (tăng 152,58%), trong khi tài sản ngắn hạn mặc dù tăng trưởng tốt nhưng không bù đắp hoàn toàn. Đây là hệ quả của việc Công ty chủ động sử dụng nợ vay ngắn hạn để tài trợ vốn lưu động, hỗ trợ khách hàng và duy trì thị phần trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và tiêu thụ gặp khó khăn. Dù giảm, các hệ số thanh toán vẫn cao hơn nhiều so với chuẩn an toàn, điều này cho thấy Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro về thanh khoản.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Trong năm qua, SLS đã chủ động thay đổi cấu trúc tài chính theo hướng gia tăng đòn bẩy nhằm phục vụ mục tiêu tăng trưởng. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản đã tăng hơn gấp đôi, từ 8,31% lên 17,08%; hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng tăng tương ứng từ 9,06% lên 20,60%. Sự gia tăng này hoàn toàn nhất quán với định hướng đã đề ra: sử dụng nợ vay ngắn hạn như một công cụ linh hoạt để tài trợ cho hoạt động bán hàng và củng cố vị thế thị phần. Quan trọng hơn, dù có sự thay đổi, cấu trúc vốn của Công ty vẫn được duy trì ở mức rất an toàn và nằm trong tầm kiểm soát, hoàn toàn phù hợp với đặc thù và khẩu vị rủi ro của một doanh nghiệp trong ngành sản xuất.



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Các chỉ số hoạt động ghi nhận sự sụt giảm, phản ánh đúng thực tế thị trường tiêu thụ đường gặp nhiều khó khăn. Vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,93 lần xuống 0,61 lần do doanh thu giảm trong khi tổng tài sản tăng 22,87%. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 2,34 vòng xuống 1,66 vòng, cho thấy tốc độ luân chuyển hàng hóa chậm lại. Đây là kết quả của chính sách dự trữ đường thành phẩm để chờ thị trường hồi phục và giá bán cải thiện. Mặc dù các chỉ tiêu hoạt động giảm, nhưng đó là sự điều chỉnh có chủ đích của Ban Điều hành, nhằm bảo đảm sự chủ động trong nguồn cung và ổn định sản xuất.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Khả năng sinh lời của Công ty trong niên độ 2024-2025 giảm so với năm trước, nhưng vẫn duy trì ở mức cao so với mặt bằng chung ngành mía đường. Biên lợi nhuận ròng đạt 32,23%, thấp hơn mức 37,29% năm 2023-2024 nhưng vẫn phản ánh hiệu quả quản trị chi phí trong bối cảnh doanh thu giảm và chi phí đầu vào tăng. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 22,80% và trên tổng tài sản (ROA) đạt 19,80%, giảm lần lượt từ 38,48% và 34,66% của niên độ trước. Đây là hệ quả trực tiếp của việc Công ty gia tăng quy mô tài sản để củng cố nền tảng tài chính và hỗ trợ hoạt động sản xuất. Ngoài ra, tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần đạt 32,78%, thấp hơn mức 37,71% trước đó, cho thấy áp lực biên lợi nhuận trong bối cảnh giá bán giảm.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	835	9.719.455	99,26%
1	Cá nhân	829	8.244.675	84,20%
2	Tổ chức	6	1.474.780	15,06%
II	Cổ đông nước ngoài	58	72.490	0,74%
1	Cá nhân	44	27.879	0,28%
2	Tổ chức	14	44.611	0,46%
TỔNG CỘNG		893	9.791.945	100,00%

CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông lớn của Công ty	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Trần Thị Thái	2.686.060	27,43%
2	Công ty TNHH Thái Liên	1.468.800	15,00%
3	Đặng Việt Anh	963.878	9,84%

 TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA: 49%.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong niên độ 2024-2025, Công ty không thực hiện thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong niên độ 2024-2025, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ Công ty hiện đang nắm giữ là 0 cổ phiếu.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trong hơn một thập kỷ qua, biến đổi khí hậu đã trở thành thách thức toàn cầu lớn nhất, với những tác động ngày càng nghiêm trọng đến kinh tế, xã hội và đời sống con người. Khi nhiều khu vực trên thế giới hứng chịu nắng nóng kỷ lục, cháy rừng, bão lũ dữ dội, thì Việt Nam cũng không nằm ngoài thách thức này: miền Bắc và miền Trung thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão lũ, trong khi Đồng bằng sông Cửu Long đối mặt với hạn hán và xâm nhập mặn. Những hiện tượng thời tiết cực đoan không chỉ đe dọa trực tiếp đến an ninh lương thực, mà còn ảnh hưởng lâu dài tới sự phát triển kinh tế và sự ổn định xã hội.

Trong bối cảnh đó, vai trò của doanh nghiệp không còn chỉ dừng lại ở việc tạo ra lợi nhuận, mà ngày càng gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường, giảm thiểu phát thải và đồng hành cùng cộng đồng trong phát triển bền vững. Với tư cách là một công ty đại chúng hoạt động tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Ban lãnh đạo SLS cam kết sẽ đi đầu trong việc giải quyết các vấn đề môi trường và thúc đẩy trách nhiệm xã hội.

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Hoạt động sản xuất trong ngành mía đường, về bản chất, luôn tiềm ẩn những tác động nhất định đến môi trường, từ khí thải, nước thải đến chất thải rắn. Nhận thức sâu sắc trách nhiệm này, cũng như tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành như Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La (SLS) luôn xác định phát triển bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường là mục tiêu cốt lõi và xuyên suốt. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều được xây dựng trên nền tảng tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn môi trường.

- Về khí thải: Khí thải phát sinh từ các lò hơi được xử lý triệt để thông qua hệ thống xử lý kết hợp cyclone và tĩnh điện, đạt hiệu suất loại bỏ bụi lên đến 95%. Đồng thời, Công ty đã lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường để đảm bảo sự giám sát minh bạch và kịp thời.

- Về chất thải rắn: SLS đã tiên phong áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn để tận dụng triệt để các phụ phẩm. Bã mía được sử dụng làm nhiên liệu sinh khối cho lò hơi, trong khi tro và bã bùn được tái chế thành phân bón hữu cơ chất lượng cao. Các phụ phẩm khác như vỏ sắn cũng được chế biến thành phân vi sinh hoặc thức ăn gia súc. Mô hình này không chỉ giúp giảm thiểu gần như toàn bộ lượng chất thải rắn phải chôn lấp mà còn tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng, tối ưu hóa chuỗi sản xuất.

- Về nước thải: Với hệ thống xử lý nước thải hiện đại có công suất lên tới 2.900 m³/ngày đêm, toàn bộ lượng nước thải phát sinh đều được xử lý kỹ lưỡng, loại bỏ các tạp chất ô nhiễm. Chất lượng nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép, giúp Công ty có thể tái sử dụng cho các hoạt động sản xuất khác, góp phần tiết kiệm tài nguyên nước quý giá.

Qua công tác giám sát định kỳ (hai lần mỗi vụ đối với nhà máy đường và bốn lần mỗi vụ đối với nhà máy phân bón), tất cả các thông số đo được đều nằm trong giới hạn quy định cho phép. Trong niên độ vừa qua, Công ty đã chấp hành tốt công tác giám sát, không để xảy ra bất kỳ sự cố nào gây hại cho môi trường. Những kết quả này là minh chứng rõ ràng cho cam kết mạnh mẽ và nỗ lực không ngừng của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La trong việc hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và trách nhiệm với cộng đồng, hướng tới một tương lai phát triển bền vững.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Sử dụng bã mía làm nhiên liệu đốt cho các lò hơi thay thế nhiên liệu hóa thạch.
- Ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý phát thải khí.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Để đảm bảo nguồn cung ổn định và chất lượng, Ban Lãnh đạo SLS đã ban hành các chính sách đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu. Các sáng kiến trọng tâm bao gồm việc tập trung nghiên cứu, chọn lọc và cung cấp cho các hộ nông dân những giống mía mới, có năng suất vượt trội và chữ lượng đường cao, giúp tăng cường hiệu quả canh tác và chất lượng cây trồng. Đồng thời, công tác tuyên truyền và hướng dẫn quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc mía cũng được triển khai mạnh mẽ, giúp tạo dựng mối quan hệ đối tác bền vững giữa các hộ nông dân trồng mía và Công ty, giúp họ an tâm và gắn bó lâu dài với cây mía.

Công tác vận chuyển mía từ vùng nguyên liệu về nhà máy luôn được SLS đảm bảo đúng thời hạn. Điều này không chỉ đáp ứng kịp thời yêu cầu của dây chuyền chế biến, mà còn tối ưu hóa chi phí vận chuyển và bảo toàn chất lượng mía. Với định hướng tự chủ nguồn cung và nâng cao hiệu quả sản xuất, CTCP Mía đường Sơn La đặt mục tiêu mở rộng vùng nguyên liệu từ hơn 9.000 ha hiện tại lên quy mô 10.000 - 11.000 ha.

Tuy nhiên, đây là một bài toán đầy thách thức, đòi hỏi phải giải quyết triệt để những tồn tại cố hữu. Hiện tại, sự ổn định của vùng mía vẫn chưa được đảm bảo do sự cạnh tranh gay gắt từ các loại cây trồng khác, khiến thu nhập từ cây mía chưa thực sự hấp dẫn đối với bà con nông dân. Thêm vào đó, diện tích đất bằng phẳng ở các địa bàn gần nhà máy đang ngày càng bị thu hẹp, đẩy giá thành mía nguyên liệu tăng cao. Tình trạng cơ cấu giống còn đơn điệu, chưa hợp lý cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro về dịch bệnh và năng suất. Do đó, thành công của kế hoạch mở rộng không chỉ phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên mà còn phụ thuộc vào khả năng của Công ty trong việc xây dựng một cơ chế chính sách đủ mạnh để củng cố lòng tin và đảm bảo lợi ích hài hòa cho người nông dân.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Ban Lãnh đạo Công ty đã và đang thúc đẩy một văn hóa tiết kiệm năng lượng sâu rộng trong Công ty, với mục tiêu tối ưu hóa quy trình sử dụng, giúp giảm thiểu lãng phí và thất thoát năng lượng. Điều này được thể hiện qua các hoạt động tuyên truyền và khuyến khích mạnh mẽ các sáng kiến cải tiến từ đội ngũ cán bộ, công nhân viên. Nhờ đó, Công ty luôn duy trì được thể chủ động trong việc kiểm soát tiêu thụ, biến hiệu quả năng lượng thành một lợi thế cạnh tranh bền vững.



TIÊU THỤ NƯỚC

Mức tiêu thụ nước của các nhà máy luôn được giữ ở mức ổn định nhờ vào một hệ thống xử lý nước thải tiên tiến đã được SLS đầu tư từ 10 năm trước. Với hệ thống này, SLS đã xây dựng một mô hình tuần hoàn khép kín, có khả năng tái chế và tái sử dụng tới 99% lượng nước đã qua xử lý cho mục đích làm mát trong quy trình sản xuất. Điều này không chỉ bảo toàn nguồn nước tự nhiên mà còn đảm bảo sự ổn định cho hoạt động sản xuất, giảm thiểu rủi ro từ biến động nguồn cung và chi phí vận hành.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong niên độ vừa rồi, SLS luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về công tác bảo vệ môi trường, công tác xử lý chất thải và khí thải, do đó Công ty không vi phạm bất kỳ điều gì liên quan đến vấn đề này. Công tác tổ chức tuyên truyền và vận động các cán bộ công nhân viên trong việc bảo vệ môi trường, thu gom rác thải, chất thải luôn được Ban lãnh đạo Công ty thúc đẩy. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, từng bước thay đổi hành động của các cán bộ công nhân viên trong công tác vệ sinh môi trường.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La đã xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với cộng đồng địa phương dựa trên tinh thần hợp tác và trách nhiệm xã hội. Trong niên độ vừa qua, Ban Lãnh đạo SLS đã chủ động triển khai các chính sách hỗ trợ nhằm tạo ra giá trị chung và phát triển bền vững cho khu vực. Các hoạt động này bao gồm cung cấp công ăn việc làm ổn định cho người lao động địa phương, góp phần cải thiện đời sống và kinh tế vùng, tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng, như hỗ trợ khuyến học, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn và đồng bào chịu ảnh hưởng của thiên tai. Những hành động này không chỉ thể hiện tinh thần sẻ chia mà còn củng cố uy tín và niềm tin của cộng đồng đối với doanh nghiệp. Thông qua những nỗ lực này, SLS luôn mong muốn hợp tác cùng cộng đồng địa phương để phát triển kinh tế vùng một cách bền vững và lâu dài.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Mặc dù hiện tại SLS chưa tham gia vào các hoạt động huy động vốn từ thị trường vốn xanh, công ty luôn dành sự quan tâm đặc biệt và theo dõi sát sao những diễn biến trong lĩnh vực này. SLS mong muốn được tiếp cận và học hỏi thêm thông qua các hội thảo, sự kiện do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan ban ngành tổ chức. Trong tương lai, SLS đặt mục tiêu tiếp tục tìm hiểu việc phát hành trái phiếu xanh như một phần trong chiến lược phát triển bền vững. SLS cam kết không ngừng nỗ lực để hoàn thiện khung pháp lý, cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đầu tư xanh và đóng góp vào sự phát triển bền vững chung.



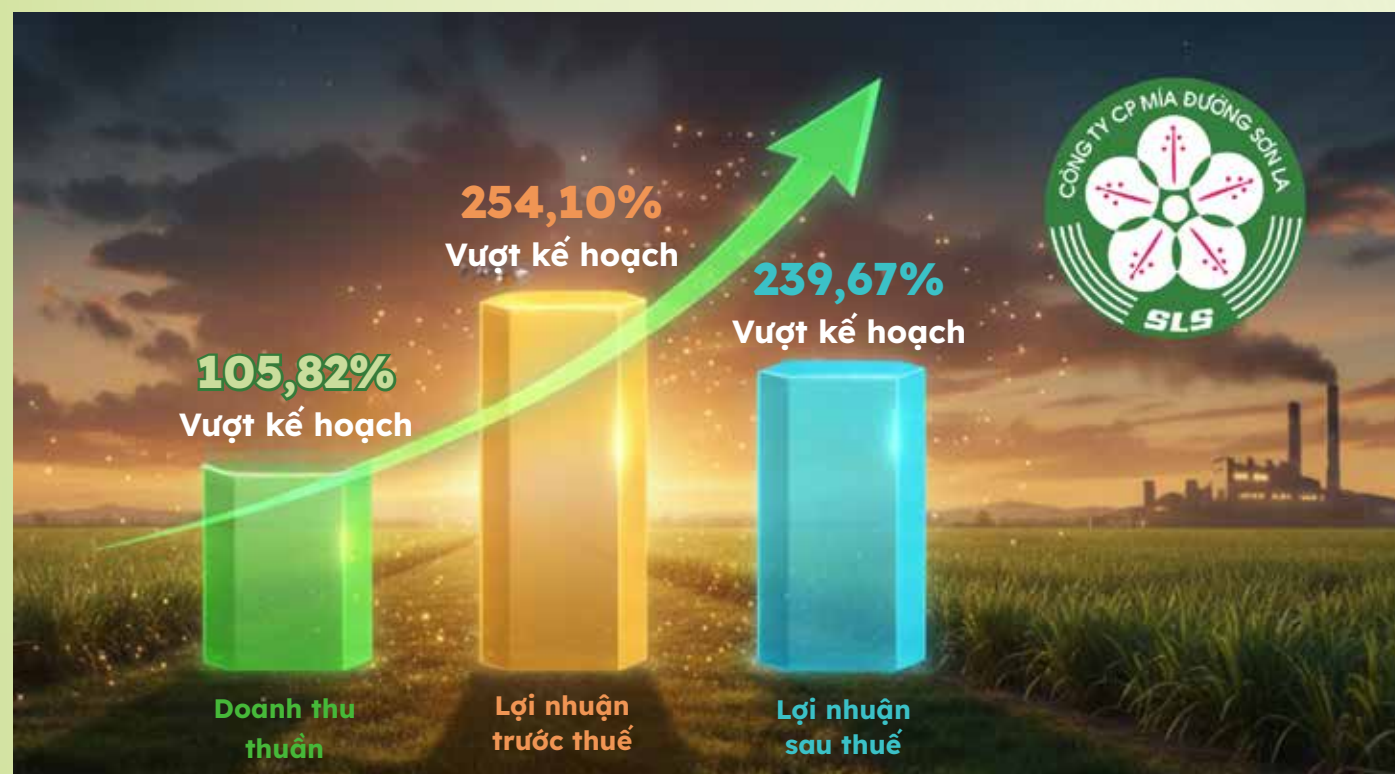


BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 42 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 44 Tình hình tài chính
- 47 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 50 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 51 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 52 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Niên độ 2024-2025 ghi nhận một môi trường kinh doanh toàn cầu đầy biến động, đặc trưng bởi bất ổn địa chính trị leo thang, cạnh tranh chiến lược gay gắt và biến động vĩ mô khó lường (giá nhiên liệu, lãi suất, tỷ giá). Trong bối cảnh đó, ngành đường thế giới và trong nước phải đối mặt với những thách thức đáng kể. Trên thị trường quốc tế, giá đường thế giới trong 6 tháng đầu năm 2025 đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ đầu năm 2023 do sự gia tăng nguồn cung từ các quốc gia sản xuất chủ lực như Brazil, Ấn Độ và Thái Lan. Tại thị trường nội địa, áp lực càng trở nên nặng nề hơn do dư thừa nguồn cung, suy yếu sức cầu và tình trạng gian lận thương mại, buôn lậu đường vẫn tiếp diễn với thủ đoạn tinh vi, phức tạp.

Những yếu tố trên đã tác động trực tiếp đến hoạt động của Công ty, gây áp lực kép lên cả

chi phí và doanh thu. Chi phí sản xuất tăng do giá nguyên vật liệu đầu vào leo thang, trong khi giá bán chịu sức ép đi xuống, dẫn đến lượng hàng tồn kho gia tăng.

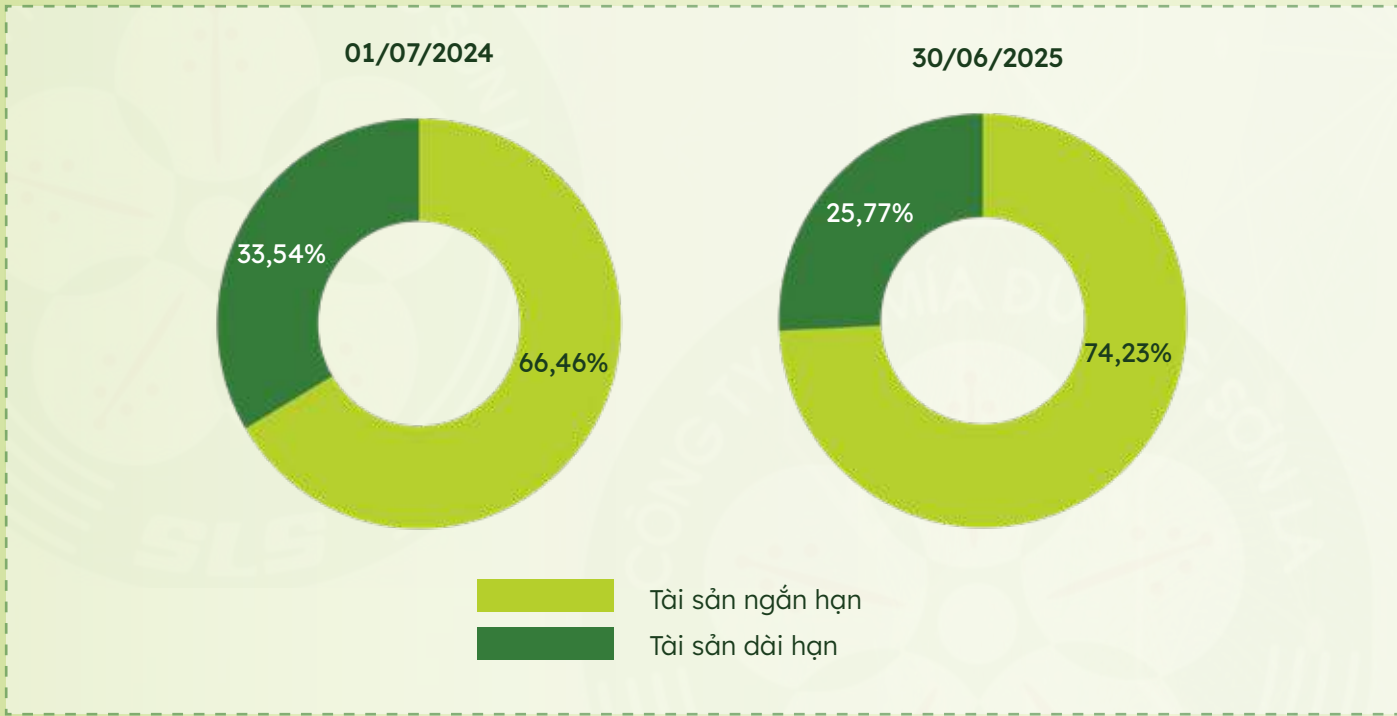
Trước bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã chủ động triển khai các giải pháp quản trị quyết liệt và linh hoạt. Công ty đã tối ưu hóa chiến lược thu mua nguyên liệu, chủ động điều tiết giá và thời điểm bán hàng để thích ứng với diễn biến thị trường, đồng thời thực thi kỷ luật chi phí chặt chẽ trên toàn hệ thống nhằm tối ưu hóa giá thành sản phẩm. Nhờ những nỗ lực quản trị hiệu quả và các quyết sách kịp thời, Công ty đã xuất sắc vượt qua thách thức. Kết thúc niên độ, lợi nhuận sau thuế TNDN đã hoàn thành 249,47% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 đề ra, ghi nhận một kết quả kinh doanh ấn tượng trong một năm đầy biến động.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN



Theo báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2024-2025, tổng tài sản của Công ty đã ghi nhận một bước tăng trưởng ấn tượng 22,87%, đạt 2.083.549 triệu đồng. Cơ cấu tổng tài sản ghi nhận sự biến động khi tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn tỷ trọng, trong khi tài sản dài hạn giảm so với cùng kỳ năm trước dẫn đến giảm tỷ trọng.

Tính đến cuối niên độ, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 1.546.612 triệu đồng, tăng 37,23% so với cùng kỳ. Đóng góp cho sự tăng trưởng vượt trội, là khoản mục Các khoản phải thu ngắn hạn, tăng trưởng vượt bậc 68,38%, từ 677.895 triệu đồng lên 1.031.898 triệu đồng, tương đương mức tăng ròng hơn 354.033 triệu đồng. Đây là kết quả trực tiếp của chính sách tín dụng linh hoạt nhằm hỗ trợ tối đa cho các nhà phân phối và chiếm lĩnh thị phần. Ngoài ra, sự tăng trưởng của Tài sản ngắn hạn còn đến từ khoản mục Hàng tồn kho, khi Công ty đã chủ động gia tăng hàng tồn kho 18,79%, từ

430.581 triệu đồng lên 511.506 triệu đồng. Xét về cơ cấu tổng tài sản, tỷ trọng tài sản ngắn hạn đã tăng từ 66,46% lên 74,23%, trong đó khoản mục Phải thu ngắn hạn chiếm đến 49,53% chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Ở chiều ngược lại, Công ty đã thực hiện việc tối ưu hóa đối với việc sử dụng Tài sản dài hạn. Giá trị khoản mục này được ghi nhận tại thời điểm cuối niên độ là 536.847 triệu đồng, giảm 5,60%. Cụ thể trong năm, khoản mục tài sản cố định ghi nhận giá trị giảm là 68.283 triệu đồng, bao gồm 56.828 triệu đồng từ khấu hao và 11.455 triệu đồng từ việc thanh lý máy móc, thiết bị kém hiệu quả. Trong khi giá trị tăng tổng cộng là 25.046 triệu đồng, bao gồm việc tiếp tục đầu tư vào nền tảng sản xuất với 23.380 triệu đồng mua sắm tài sản cố định mới và 1.666 triệu đồng cho xây dựng dở dang. Như vậy, phần giá trị giảm đi lớn hơn phần giá trị tăng thêm, dẫn đến sự sụt giảm ròng của tài sản dài hạn. Kết quả là, tỷ trọng của tài sản dài hạn trong cơ cấu chung đã giảm xuống còn 25,77%.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	01/07/2024		30/06/2025		Tỷ lệ % tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	140.927	100%	355.947	100%	152,58%
Nợ dài hạn	0	0%	0	0%	0%
Tổng nợ phải trả	140.927	100%	355.947	100%	152,58%

Trong niên độ vừa qua, chiến lược tài trợ của Công ty tiếp tục tập trung vào tính linh hoạt và hiệu quả trong ngắn hạn. Về cơ cấu, nợ phải trả không có sự thay đổi khi 100% là nợ ngắn hạn, phản ánh chủ trương không sử dụng các khoản vay dài hạn phức tạp để tài trợ cho các hoạt động có tính chu kỳ.

Xét về quy mô, tổng nợ phải trả tại ngày 30/06/2025 ghi nhận giá trị 355.947 triệu đồng, tăng 152,58% so với mức 140.927 triệu đồng của cùng kỳ. Mức tăng ròng tương đương 215.020 triệu đồng này là mức tăng lớn nhất trong 3 năm trở lại đây, thể hiện một sự thay đổi chiến lược mạnh mẽ và có chủ đích. Sự gia tăng đột biến này chủ yếu là do sự tăng trưởng của khoản mục Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Cụ thể, Khoản mục này đã tăng vọt 345,45%, từ 61.709 triệu đồng lên 274.884 triệu đồng, tương đương mức tăng ròng là 213.175 triệu đồng. Con số này chiếm đến 99,14% tổng mức tăng nợ phải trả của toàn công ty.

Về mặt chiến lược, quyết định này hoàn toàn nhất quán và phục vụ trực tiếp cho mục tiêu mở rộng quy mô kinh doanh. Khoản vốn vay tăng thêm 213.175 triệu đồng đã được sử dụng như một đòn bẩy tài chính quan trọng để tài trợ cho sự mở rộng của tài sản ngắn hạn. Việc sử dụng nợ ngắn hạn để tài trợ cho tài sản ngắn hạn là một chiến lược phù hợp, giúp tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn cho Công ty.



330

Cán bộ, Công nhân viên

2,3 tỷ đồng

Chăm lo đời sống lao động
cho CBCNV

508 triệu đồng

Hoạt động thăm hỏi, hiếu hỷ,
khen thưởng khuyến học

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CÔNG TÁC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, CHĂM LO ĐỜI SỐNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



Công ty duy trì ổn định lực lượng lao động với 330 cán bộ, công nhân viên, toàn bộ đều được ký hợp đồng lao động đúng quy định. Đội ngũ lao động cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, ý thức trách nhiệm được nâng cao, góp phần quan trọng trong việc giảm chi phí giá thành.

Thu nhập của người lao động luôn được đảm bảo ổn định, tiền lương chi trả đầy đủ và kịp thời. Cuối năm, Công ty chi trả tháng lương thứ 13 để kịp thời động viên tập thể lao động hoàn

thành kế hoạch. Các chế độ phúc lợi như thưởng thi đua, ăn ca, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đều được thực hiện nghiêm túc theo quy định.

Công ty còn trích 2,3 tỷ đồng chăm lo đời sống tinh thần (quà tặng dịp lễ, Tết, ngày vào vụ...) và Công đoàn chi 508 triệu đồng cho hoạt động thăm hỏi, hiếu hỷ, khen thưởng khuyến học. Những chính sách này khẳng định cam kết xây dựng môi trường làm việc ổn định, an toàn và giàu tính nhân văn.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TÁC XÃ HỘI, TỪ THIỆN VÀ AN SINH XÃ HỘI

Công ty tiếp tục thực hiện sứ mệnh đồng hành cùng cộng đồng địa phương. Thông qua việc hợp tác với chính quyền các xã trong tỉnh, Công ty hỗ trợ nông dân chuyển đổi cây trồng sang mía, cung cấp kỹ thuật thâm canh và ký kết hợp đồng bao tiêu dài hạn. Chính sách này không chỉ đảm bảo đầu ra ổn định, giúp bà con yên tâm đầu tư sản xuất, mà còn góp phần nâng cao sản lượng, chất lượng mía và xây dựng sinh kế bền vững cho người dân Sơn La.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý trong năm qua đã giúp Công ty củng cố nội lực, nâng cao hiệu quả điều hành và lan tỏa trách nhiệm xã hội. Đây là nền tảng quan trọng để SLS tiếp tục phát triển bền vững, khẳng định vị thế là doanh nghiệp tiên phong trong ngành mía đường, vừa tạo ra giá trị cho cổ đông, vừa đóng góp thiết thực cho cộng đồng.



CÔNG TÁC TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Niên độ 2024-2025, công tác tiêu thụ gặp nhiều khó khăn do giá đường thế giới giảm xuống mức thấp nhất trong ba năm, nguồn cung trong nước dư thừa và tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại chưa được kiểm soát triệt để. Dưới sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã linh hoạt triển khai các chính sách bán hàng theo đúng định hướng, từng bước tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm cân đối lợi ích và duy trì dòng tiền cho hoạt động sản xuất.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Công ty duy trì chính sách tài chính minh bạch, an toàn và hiệu quả. Vốn được bảo toàn, chi phí được kiểm soát chặt chẽ và tiết kiệm, nhờ đó lợi nhuận tăng trưởng tích cực dù thị trường còn nhiều biến động. Công tác thông tin, báo cáo được thực hiện kịp thời; quyết toán đúng quy định; các hoạt động tài chính đều được Ban kiểm soát giám sát đầy đủ. Chính sự kỷ luật trong quản lý tài chính là nền tảng để Công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2024 - 2025



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Bước sang niên độ 2025–2026, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La có thể sẽ vẫn phải tiếp tục đối diện với nhiều thách thức: kinh tế toàn cầu và trong nước phục hồi chậm, sức mua suy giảm, tình trạng buôn lậu và gian lận thương mại mặt hàng đường vẫn chưa được kiểm soát triệt để. Đặc biệt, biến đổi khí hậu gây ra khô hạn, nắng nóng gay gắt và lũ lụt trên địa bàn Sơn La, ảnh hưởng trực tiếp đến diện tích, năng suất và sản lượng mía nguyên liệu. Ngoài ra, sự cạnh tranh quyết liệt từ các loại cây trồng khác tiếp tục đẩy vùng mía ra xa nhà máy, làm gia tăng chi phí vận chuyển và áp lực lên hiệu quả sản xuất.

Tuy nhiên, phát huy lợi thế và kinh nghiệm quản trị trong những năm qua, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành xác định rõ mục tiêu và định hướng cho năm 2025–2026, tập trung vào ba trọng tâm: ổn định vùng nguyên liệu – nâng cao hiệu quả chế biến – kiện toàn quản trị và mở rộng thị trường tiêu thụ.



CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN

892.756 Triệu đồng TỔNG DOANH THU THUẦN	109.590 Triệu đồng LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	109.590 Triệu đồng LỢI NHUẬN SAU THUẾ
---	---	---

» Về công tác nguyên liệu:

- Tham mưu Hội đồng quản trị ban hành chính sách đầu tư, thu mua phù hợp, khuyến khích bà con gắn bó lâu dài với cây mía.
- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi chính sách đầu tư, thu mua thông qua các cuộc họp, hội nghị tại địa phương.
- Rà soát quỹ đất và mở rộng thêm diện tích trồng mía, tập trung vào các vùng có điều kiện thuận lợi.
- Tổ chức tập huấn mô hình canh tác mới, thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ để nâng cao năng suất và giảm chi phí.
- Tăng cường khảo nghiệm, nhân rộng giống mía mới có chữ đường và năng suất cao, thích hợp với điều kiện khí hậu – thổ nhưỡng của Sơn La.
- Phối hợp với chính quyền địa phương, đôn đốc hộ nông dân thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bón phân đúng thời điểm và định mức.
- Tham gia tích cực vào các chương trình an sinh xã hội, khẳng định vai trò cây mía là cây xóa đói giảm nghèo, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

» Về sản xuất chế biến Đường:

- Nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành theo quy trình sản xuất tinh nghệ, chú trọng giảm tổn thất, tiết kiệm nguyên liệu, nâng cao hiệu suất thu hồi.
- Từng bước áp dụng tự động hóa trong dây chuyền chế biến để tăng năng suất lao động và đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Rà soát toàn bộ dây chuyền sản xuất, tổ chức kiểm tu, sửa chữa đồng bộ và đầu tư bổ sung thiết bị cần thiết nhằm tăng công suất ép, nâng cao hiệu suất và đảm bảo tiến độ vào vụ sản xuất.

» Công tác nghiệp vụ khác:

- Kiện toàn bộ máy quản lý, điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả; bố trí nhân sự phù hợp với chuyên môn và vị trí công tác.
- Tăng cường công tác tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại, chú trọng nâng cao tay nghề cho lao động ở các vị trí then chốt.
- Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, mở rộng thị trường tiêu thụ, giữ vững quan hệ với khách hàng truyền thống, đồng thời tìm kiếm thêm đối tác mới để tiêu thụ hết sản phẩm.
- Siết chặt kỷ luật lao động, rà soát, sửa đổi và ban hành mới các quy định, quy chế quản lý; triển khai đào tạo quy trình, hướng dẫn cụ thể đến từng người lao động.
- Tuân thủ nghiêm túc pháp luật về bảo vệ môi trường, tiếp tục đầu tư cho hệ thống xử lý nước thải, tăng cường trồng cây xanh, duy trì vệ sinh công nghiệp, đảm bảo an toàn và phát triển bền vững.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2024 - 2025, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Trong niên độ vừa qua, Ban Lãnh đạo SLS tiếp tục duy trì và củng cố các chính sách bảo vệ môi trường, đồng thời tích cực giảm thiểu các tác động xấu từ hoạt động sản xuất. Công ty đã chủ động tổ chức các chương trình tuyên truyền, nâng cao ý thức của đội ngũ cán bộ, công nhân viên về việc sử dụng hợp lý nguồn nước và điện, ngăn chặn lãng phí. Các vấn đề về kiểm soát và quản lý chất thải trong năm qua luôn được thực hiện một cách hiệu quả. Công ty đã chủ động xây dựng các phương án ứng phó với các rủi ro môi trường, đảm bảo một môi trường làm việc an toàn và bảo vệ sức khỏe cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên.

VỀ TIÊU THỤ NƯỚC

SLS đã thực hiện tốt việc tận dụng nguồn nước tái chế từ hệ thống xử lý nước thải hiện đại với tổng công suất 2.900 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn “nước loại A” và được tái sử dụng tới 99% cho mục đích làm mát, tạo ra một chu trình tuần hoàn khép kín. Điều này không chỉ giúp Công ty giảm chi phí mà còn bảo vệ tài nguyên nước tại địa phương.

VỀ TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Về tiêu thụ Lượng năng lượng tiêu thụ của SLS được tối ưu hóa nhờ vào việc tận dụng các phụ phẩm. Bã mía được sử dụng làm nhiên liệu cho lò hơi, nhờ đặc tính giàu cellulose và lignin, tạo ra nhiệt lượng lớn, có lợi cho quá trình chuyển hóa năng lượng. Bên cạnh đó, SLS cũng tái sử dụng tro và bã bùn trong hoạt động sản xuất phân bón. Những hoạt động này không chỉ giúp Công ty tối ưu hóa chi phí sản xuất mà còn góp phần đưa hoạt động sản xuất của SLS hướng đến chuỗi giá trị xanh.

VỀ QUẢN LÝ PHÁT THẢI

Về quản lý phát thải: Ban Lãnh đạo luôn xem đây là một vấn đề trọng yếu, do đó, Công ty luôn chủ động kiểm soát và quản lý để đảm bảo chất thải được xử lý đúng cách, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật. Việc xây dựng các phương án đối phó với rủi ro môi trường cũng đã được chủ động thực hiện, hướng đến một môi trường làm việc an toàn và đảm bảo sức khỏe cho người lao động.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn xác định con người là yếu tố then chốt quyết định sự thành công. Vì vậy, Ban Lãnh đạo Công ty luôn chú trọng vào công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề cho người lao động. Trong niên độ vừa qua, các chương trình đào tạo tại chỗ đã được tổ chức thường xuyên, tập trung vào các kỹ thuật vận hành dây chuyền sản xuất và nhà máy, nhằm đảm bảo hiệu quả và an toàn cao nhất.

Bên cạnh việc phát triển chuyên môn, SLS cũng đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng một văn hóa làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và gắn kết. Điều này được thể hiện qua các hoạt động nội bộ và các chuyến du lịch được tổ chức hàng năm, tạo không gian để các thành viên giao lưu và thư giãn. Công đoàn Công ty cũng luôn đóng vai trò tích cực trong việc chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động, thông qua các hoạt động thăm hỏi, động viên vào những dịp ốm đau, hiếu hỷ và tặng quà vào các dịp lễ tết.

Để người lao động an tâm cống hiến, Công ty cam kết minh bạch trong chính sách tiền lương và thực hiện chi trả đúng thời hạn. Toàn bộ cán bộ công nhân viên ký hợp đồng lao động chính thức đều được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,... Bên cạnh đó, Công ty còn phối hợp với cơ quan ban ngành, tổ chức các buổi đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao kiến thức cho người lao động liên quan đến các hình thức bảo hiểm xã hội, tích cực tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

SLS tự hào là một trong những doanh nghiệp tiên phong thực hiện trách nhiệm xã hội, thể hiện qua việc tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động xã hội như hỗ trợ khuyến học, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn và đồng bào chịu ảnh hưởng của thiên tai.

Bên cạnh đó, SLS đặc biệt chú trọng đến việc đồng hành cùng hơn 10.000 hộ nông dân trong vùng, đa số là đồng bào dân tộc thiểu số. Công ty không chỉ thu mua nguyên liệu mà còn triển khai một chương trình hỗ trợ toàn diện. Đội ngũ kỹ sư nông nghiệp thường xuyên làm việc trực tiếp với bà con để chuyển giao kỹ thuật canh tác tiên tiến, giúp tăng năng suất và chất lượng mía. Đồng thời, Công ty còn hỗ trợ vốn và phương tiện sản xuất, đảm bảo người nông dân có đủ điều kiện để duy trì và phát triển vùng trồng mía. Sự đồng hành này đã củng cố mối quan hệ đối tác tin cậy, biến cây mía không chỉ là một cây trồng kinh tế, mà còn là một động lực vững chắc cho sự phát triển và thịnh vượng của địa phương.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 56 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động
- 57 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của BTGD
- 58 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Niên độ 2024-2025 tiếp tục diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước nhiều biến động. Trên phương diện toàn cầu, xung đột địa chính trị kéo dài làm gia tăng nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng; chính sách tiền tệ thắt chặt tại nhiều quốc gia và sự suy yếu của thương mại, đầu tư toàn cầu gây áp lực lớn lên các ngành sản xuất. Đặc biệt, các hiện tượng thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh lương thực và hoạt động nông nghiệp nói chung. Tại Việt Nam, biến đổi khí hậu với nắng nóng, khô hạn, lũ lụt bất thường đã trực tiếp tác động đến vùng nguyên liệu mía, làm giảm năng suất và chất lượng.

Ngành mía đường trong nước cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn: lượng tồn kho gia tăng, sức cầu suy yếu, cạnh tranh gay gắt từ đường nhập khẩu hợp pháp, đường nhập lậu và sự gia tăng các sản

phẩm thay thế như siro ngô (HFCS). Những yếu tố này đã tạo áp lực kép lên hoạt động sản xuất và tiêu thụ, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Trước bối cảnh đầy thách thức đó, Hội đồng quản trị đã thể hiện sự quyết đoán trong chỉ đạo, đồng thời Ban Điều hành linh hoạt triển khai các giải pháp quản trị: ban hành chính sách nguyên liệu phù hợp để ổn định vùng mía, điều chỉnh chính sách giá bán và thời điểm tiêu thụ để thích ứng với thị trường, tăng cường kiểm soát chi phí nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch lợi nhuận sau thuế TNDN mà Đại hội đồng cổ đông năm 2024 giao, đạt 249,47% chỉ tiêu, một kết quả ấn tượng trong bối cảnh ngành và thị trường nhiều biến động.

Bên cạnh kết quả kinh doanh, các nội dung khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã được Hội đồng quản trị triển khai đầy đủ, kịp thời và tuân thủ đúng quy định. Công ty cũng chú trọng đến công tác chăm lo người lao động, phát triển vùng nguyên liệu, nâng cao hiệu quả sản xuất chế biến, thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và trách nhiệm xã hội tại địa phương.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực, đoàn kết của Ban Điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên. Công ty đã chứng minh được năng lực quản trị và khả năng chống chịu trước biến động, đồng thời khẳng định vị thế và uy tín trong ngành mía đường. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục phát triển bền vững trong niên độ 2025-2026 và các năm tiếp theo.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Thành viên	KH 2024-2025	TH 2024-2025	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu thuần	1.097.000	1.160.883	105,82%
2	Lợi nhuận trước thuế	150.000	381.153	254,10%
3	Lợi nhuận sau thuế	150.000	374.209	249,47%

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao tình hình thực tế của Công ty để ban hành các chủ trương, quyết định kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Trong niên độ 2024-2025, mặc dù bối cảnh kinh tế và ngành mía đường có nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám đốc đã phát huy tinh thần chủ động, trách nhiệm cao trong điều hành, góp phần đưa kết quả kinh doanh vượt xa kế hoạch. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế đạt 249,47% chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông năm 2024 giao phó – một kết quả ấn tượng, khẳng định hiệu quả trong công tác quản trị, điều hành.

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành toàn diện các mặt hoạt động: từ quản lý vùng nguyên liệu, sản xuất chế biến, tài chính – kế toán, đến nhân sự và tiêu thụ sản phẩm. Các chủ trương và chỉ đạo của

HĐQT đã được Ban Tổng Giám đốc triển khai một cách đầy đủ, kịp thời và hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động cũng như Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Hội đồng quản trị khẳng định Ban Tổng Giám đốc cùng đội ngũ điều hành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong niên độ 2024-2025. Thành công này không chỉ giúp Công ty duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, mà còn củng cố uy tín, nâng cao hình ảnh của Công ty đối với khách hàng, đối tác và đặc biệt là cổ đông.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện năng lực quản trị linh hoạt, tinh thần trách nhiệm cao và sự đồng lòng cùng tập thể cán bộ công nhân viên, qua đó khẳng định vai trò quan trọng trong việc đưa Công ty vượt qua thách thức, đạt được những kết quả nổi bật trong niên độ 2024-2025.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trong niên độ 2025–2026, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La xác định mục tiêu trọng tâm là phát triển bền vững trên cơ sở củng cố vùng nguyên liệu, đổi mới công nghệ chế biến, quản trị tài chính thận trọng và xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao. Hội đồng quản trị đề ra giải pháp hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ 2025 – 2026 như sau:

Công tác phát triển vùng nguyên liệu

- Xây dựng mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với chính quyền địa phương, rà soát và mở rộng quỹ đất để phát triển diện tích mía ổn định, bền vững trong niên vụ 2025–2026 và các năm tiếp theo.
- Nghiên cứu, sửa đổi và bổ sung chính sách đầu tư, hỗ trợ nông dân theo hướng thiết thực, hiệu quả, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Công ty và người trồng mía.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng, chăm sóc, thâm canh cây mía; đổi mới phương thức quản lý vùng nguyên liệu, thu hoạch, vận chuyển để nâng cao hiệu quả cho cả nông dân và Công ty.
- Tăng cường khảo nghiệm, nhân nhanh các giống mía mới có năng suất, chữ đường cao, thay thế dần các giống cũ đã thoái hóa, góp phần nâng cao thu nhập nông dân và sản lượng cung ứng cho Nhà máy.

Công tác chế biến

- Tăng cường áp dụng sản xuất tinh nghệ và thúc đẩy tự động hóa trong từng công đoạn, nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu và giảm tổn thất.
- Rà soát, đánh giá tổng thể dây chuyền sản xuất hiện hữu để lập kế hoạch đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị hiện đại, bảo đảm dây chuyền đồng bộ, ổn định công suất ép và nâng cao hiệu suất thu hồi.
- Chú trọng công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ dây chuyền để duy trì công suất, đáp ứng tiến độ mùa vụ, đồng thời nâng cao chất lượng đường thành phẩm.
- Tiếp tục xem xét đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng tiết kiệm năng lượng, gia tăng hiệu quả sản xuất, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm.

Công tác tài chính

- Duy trì kỷ luật tài chính minh bạch, quản lý chi phí chặt chẽ, tiết kiệm.
- Nâng cao năng lực quản trị tài chính, giám sát chặt công tác đầu tư, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn.
- Tập trung vào các hoạt động mang lại giá trị gia tăng, bảo đảm sự phát triển ổn định, liên tục và bền vững, đồng thời duy trì chính sách cổ tức hợp lý, ổn định cho cổ đông.

Công tác quản lý, nhân sự

- KIỆN TOÀN BỘ MÁY NHÂN SỰ theo hướng tinh gọn, hiệu quả, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu quản trị trong giai đoạn mới.
- Hoàn thiện cơ chế quản lý, tiếp thu tri thức kinh doanh tiên tiến để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.
- Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, an toàn; chi trả thu nhập tương xứng với năng lực và quan tâm kịp thời đến các chế độ phúc lợi.
- Tăng cường ý thức tuân thủ pháp luật, chú trọng bảo vệ môi trường, duy trì quan hệ hài hòa với đối tác và cộng đồng, đồng thời bảo đảm quyền lợi chính đáng của cổ đông.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 62 Hội đồng Quản trị
- 73 Ban Kiểm soát
- 79 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính tại ngày 30/06/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	963.878	9,84%
2	Ông Trần Ngọc Hiếu	Phó Chủ tịch HĐQT	131.731	1,35%
3	Bà Trần Thị Bích Nhi	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
4	Ông Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT	-	-
5	Ông Nguyễn Trường Chinh	Thành viên HĐQT độc lập	-	-



LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **ĐẶNG VIỆT ANH**
Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 14/09/1978

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

2006 – 2007	:	Công tác tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long
2007 – 2008	:	Công tác tại CTCP Chứng khoán Việt Quốc
2009 – 2010	:	Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh khu vực phía Nam
2006 – 2010	:	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Đắk Nông
2010 – 2011	:	Thành viên HĐQT CTCP XNK Lâm Thủy sản Bến Tre
2013 – 2015	:	Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
07/2015 – nay	:	Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kon Tum
10/2015 – nay	:	Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Sơn La
03/2023 – nay	:	Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
- Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kon Tum

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 963.878 cổ phiếu, chiếm 9,84% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

- Trần Thị Thái (Mẹ): 2.686.060 cổ phiếu, chiếm 27,43% vốn điều lệ.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà TRẦN THỊ BÍCH NHÌ Thành viên HĐQT	Quá trình công tác:
12/1984 - 06/1989	: Phụ trách kế toán Trường dạy nghề nội thương Bình Trị Thiên
1989 - 03/2010	: Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị
04/2010 - 09/2013	: Phó Giám đốc CTCP Thương mại - dịch vụ Quảng Trị
10/2013	: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Mía đường Sơn La
04/2014 - 10/2015	: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Sơn La
10/2015 - 05/2016	: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Sơn La
07/2015 - nay	: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
05/2016 - nay	: Thành viên HĐQT độc lập CTCP Mía đường Sơn La
03/2022 - nay	: Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Dược phẩm Tipharco
- Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Ông TRẦN NGỌC HIẾU Thành viên HĐQT kiêm TGD	• Xem thông tin tại Chương 2 – Mục 2 – Tổ chức và nhân sự.
Ông THÁI VĂN HÙNG Thành viên HĐQT	• Xem thông tin tại Chương 2 – Mục 2 – Tổ chức và nhân sự.

Ông NGUYỄN TRƯỜNG CHÍNH Thành viên HĐQT	Quá trình công tác:
1996 – 2001	: Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật - CTCP Mía đường Tuy Hòa.
2001 – 2008	: Quản đốc Phân xưởng Đường - CTCP Mía đường Tuy Hòa.
2009 – 2016	: Giám đốc Nhà Máy Đường - CTCP Mía đường Tuy Hòa.
2017 – 2018	: Giám đốc xí nghiệp chế biến đường CTCP Mía đường Sơn La
2018 – nay	: Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Sơn La.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng
- Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần mía đường Trà Vinh

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM: Không có

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“

HĐQT luôn giữ vững nguyên tắc

TẬP TRUNG DÂN CHỦ

đảm bảo mọi quyết định đều được bàn bạc tập thể, khách quan và thống nhất cao giữa các thành viên.

”

Trong niên độ 2024–2025, HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo mọi quyết định đều được bàn bạc tập thể, khách quan và thống nhất cao giữa các thành viên. Các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT đều do Chủ tịch HĐQT chủ trì; mọi Nghị quyết, Quyết định được ban hành đều tuân thủ đúng chức năng, quyền hạn theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

Bên cạnh đó, HĐQT thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho Ban Điều hành. Sự quan tâm sát sao và chỉ đạo quyết liệt của HĐQT đã giúp Công ty duy trì ổn định, vượt qua nhiều thách thức, hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản của niên độ 2024–2025.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nghiêm túc chức năng, nhiệm vụ được phân công; tham gia đầy đủ các hoạt động, tích cực đóng góp ý kiến nhằm hoàn thành kế hoạch chung của Công ty. Chủ tịch HĐQT đã điều hành hoạt động của HĐQT đúng quy định, đồng thời luôn đồng hành, hỗ trợ kịp thời cho Ban Điều hành trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

Căn cứ quy định pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động cùng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, HĐQT tự đánh giá tập thể và từng thành viên HĐQT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó trong niên độ 2024–2025..



CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT NIÊN ĐỘ 2024-2025

42

NGHỊ QUYẾT & QUYẾT ĐỊNH

được HĐQT ban hành nhằm tập trung chỉ đạo các vấn đề trọng yếu như:



Chiến lược phát triển Công ty



Chính sách bán hàng và quản lý tiêu thụ sản phẩm



Chính sách đầu tư, thu mua và phát triển vùng nguyên liệu



Mua sắm vật tư, thiết bị



Công tác huy động vốn



Giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

Các cuộc họp của HĐQT đều được tổ chức đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, dân chủ và phát huy tinh thần tập thể. Chủ tịch HĐQT đã điều hành hoạt động theo đúng thẩm quyền; các quyết nghị được thông qua với sự thống nhất cao từ các thành viên. Bên cạnh đó, HĐQT luôn mở rộng sự tham gia của Ban Điều hành và Ban Kiểm soát, qua đó tăng cường tính giám sát, phối hợp và kịp thời tháo gỡ những khó khăn phát sinh trong quá trình điều hành.

Trong vai trò quản trị, HĐQT đã thể hiện sự chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên và sát cánh cùng Ban Điều hành, kịp thời đưa ra các quyết sách phù hợp, đảm bảo định hướng phát triển theo phương châm “Tăng trưởng bền vững – Hiệu quả hợp lý”. Các thành viên

HĐQT đều thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được phân công với tinh thần chủ động, trung thực và trách nhiệm cao, đóng góp tích cực vào việc hoàn thành mục tiêu chung của Công ty trong niên độ 2024–2025.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	07/07	100%
2	Ông Trần Ngọc Hiếu	Phó Chủ tịch HĐQT	07/07	100%
3	Bà Trần Thị Bích Nhi	Thành viên HĐQT độc lập	07/07	100%
4	Ông Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT	07/07	100%
5	Ông Nguyễn Trường Chinh	Thành viên HĐQT độc lập	07/07	100%



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
I. Giai đoạn từ ngày 01/07/2024 - 31/12/2024			
1	24/NQ-HĐQT	16/07/2024	Thông qua Triệu tập ĐHĐCĐTN 2024
2	24a/NQ-HĐQT	16/07/2024	Thông qua phê duyệt giao dịch với TMA
3	25/NQ-HĐQT	16/07/2024	Thông qua phê duyệt chủ trương Tham quan - Du lịch
4	26/NQ-HĐQT	30/07/2024	Thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2023-2024
5	27/NQ-HĐQT	30/07/2024	Thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2023-2024
6	28/NQ-HĐQT	14/08/2024	Thông qua Ngày tổ chức; nội dung, chương trình, Tài liệu ĐHĐCĐTN 2024
7	29/NQ-HĐQT	09/09/2024	Thông qua KH chi trả cổ tức
8	30/NQ-HĐQT	12/09/2024	Thông qua KH chi trả cổ tức cho cổ đông không lưu ký có đơn đề nghị
9	31/NQ-HĐQT	13/09/2024	Thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2022-2023
10	31a/NQ-HĐQT	30/07/2024	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ QLĐH
11	32/NQ-HĐQT	24/09/2024	Thông qua việc chi trả cổ tức
12	33/NQ-HĐQT	02/10/2024	Thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2023-2024
13	34/NQ-HĐQT	22/10/2024	Thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2023-2024
14	35/NQ-HĐQT	26/10/2024	Thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2023-2024
15	36/NQ-HĐQT	13/11/2024	Thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2023-2024
16	37/NQ-HĐQT	20/11/2024	Thông qua phê duyệt CS thu mua, đầu tư PT VNL
17	38/NQ-HĐQT	26/11/2024	Thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2023-2024
18	39/NQ-HĐQT	19/12/2024	Thông qua KH bán hàng vụ 2023-2024; 2024-2025
19	40/NQ-HĐQT	26/12/2024	Thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2023-2024
20	41/NQ-HĐQT	27/12/2024	Thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2023-2024
21	42/NQ-HĐQT	28/12/2024	Thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2024-2025



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
22	43/NQ-HĐQT	31/12/2024	Thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2024-2025
II. Giai đoạn từ ngày 01/01/2025 - 30/06/2025			
23	01/NQ-HĐQT	04/01/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
24	02/NQ-HĐQT	04/01/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
25	03/NQ-HĐQT	07/01/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
26	04/NQ-HĐQT	11/01/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
27	05/NQ-HĐQT	16/01/2025	Thông qua Bổ nhiệm cán bộ Điều hành
28	06/NQ-HĐQT	17/01/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
29	07/NQ-HĐQT	08/02/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
30	08/NQ-HĐQT	13/02/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
31	09/NQ-HĐQT	11/03/2025	Thông qua Kế hoạch vay vốn ngân hàng
32	10/NQ-HĐQT	13/03/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
33	11/NQ-HĐQT	21/03/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
34	12/NQ-HĐQT	28/03/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
35	13/NQ-HĐQT	03/04/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
36	14/NQ-HĐQT	11/04/2025	Thông qua Kế hoạch vay vốn ngân hàng
37	15/NQ-HĐQT	19/04/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
38	16/NQ-HĐQT	08/05/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
39	17/NQ-HĐQT	27/05/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
40	18/NQ-HĐQT	10/06/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
41	19/NQ-HĐQT	19/06/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng
42	20/NQ-HĐQT	24/06/2025	Thông qua kế hoạch bán hàng

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Giai đoạn từ ngày 01/07/2024 - 31/12/2024			
1	39/QĐ-HĐQT	01/07/2024	Phê duyệt: Điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án...
2	42/QĐ-HĐQT	20/07/2024	Phê duyệt Đơn vị tổ chức Tour Du lịch.
3	47/QĐ-HĐQT	30/07/2024	Phê duyệt mua sắm vật tư, thiết bị
4	50/QĐ-HĐQT	19/08/2024	Phê duyệt p/s Vật tư, thiết bị của Dự án
5	51/QĐ-HĐQT	19/08/2024	Phê duyệt p/s hạng mục XDCB của Dự án
6	52/QĐ-HĐQT	21/08/2024	Phê duyệt Kế hoạch Tư vấn QLSX.
7	53/QĐ-HĐQT	27/08/2024	Phê duyệt mua sắm vật tư, hóa chất
8	59/QĐ-HĐQT	18/09/2024	Phê duyệt Đơn vị tổ chức Tour Du lịch.
9	59A/QĐ-HĐQT	18/09/2024	Bổ nhiệm lại cán bộ Quản lý, điều hành
10	59B/QĐ-HĐQT	18/09/2024	Bổ nhiệm lại cán bộ Quản lý, điều hành
11	63/QĐ-HĐQT	25/09/2024	Phê duyệt mua sắm vật tư.
12	64/QĐ-HĐQT	27/09/2024	Phê duyệt mua sắm vật tư, hóa chất
13	65/QĐ-HĐQT	04/10/2024	Phê duyệt mua sắm vật tư, thiết bị
14	68/QĐ-HĐQT	15/10/2024	Phê duyệt Đầu tư XDCB của DA TK hơi
15	69/QĐ-HĐQT	22/10/2024	Phê duyệt Đầu tư thiết bị Dự án
16	72/QĐ-HĐQT	13/11/2024	Phê duyệt mua sắm vật tư, thiết bị
17	72a/QĐ-HĐQT	13/11/2024	Phê duyệt: Thanh lý Tài sản, vật tư không sử dụng
18	72/QĐ-HĐQT	13/12/2024	Phê duyệt mua sắm vật tư, thiết bị
19	73/QĐ-HĐQT	03/12/2024	Phê duyệt mua sắm vật tư, thiết bị
20	74/QĐ-HĐQT	12/12/2024	Phê duyệt mua sắm vật tư SX Phân VS
21	75/QĐ-HĐQT	13/12/2024	Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán
22	76/QĐ-HĐQT	24/12/2024	Phê duyệt mua sắm vật tư, hóa chất



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
23	77/QĐ-HĐQT	31/12/2024	Phê duyệt: Kinh phí hỗ trợ và thưởng theo CSPT VNL
24	80/QĐ-HĐQT	31/12/2024	Phê duyệt: Kinh phí hỗ trợ sửa đường VNL 2024-2025
II. Giai đoạn từ ngày 01/01/2025 - 30/06/2025			
25	01/QĐ-HĐQT	04/01/2025	Phê duyệt: Quỹ tiền lương KH năm TC 2024-2025.
26	02/QĐ-HĐQT	07/01/2025	Phê duyệt: KH mua sắm vật tư đầu tư cho VNL mía
27	03/QĐ-HĐQT	07/01/2025	Phê duyệt: Chi lương tháng thứ 13
28	03A/QĐ-HĐQT	07/01/2025	Phê duyệt mua sắm vật tư, thiết bị
29	04/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Phê duyệt: Khen thưởng cho Tập thể và cá nhân có thành tích trong SXKD vụ 2023-2024.
30	05/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Phê duyệt: Khen thưởng cho HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành niên vụ 2024-2025
31	09/QĐ-HĐQT	08/02/2025	Phê duyệt đầu tư Xây dựng cơ bản
32	10/QĐ-HĐQT	08/02/2025	Phê duyệt mua sắm vật tư, thiết bị
33	11/QĐ-HĐQT	19/02/2025	Phê duyệt KH cung cấp Nguyên liệu
34	12/QĐ-HĐQT	26/02/2025	Phê duyệt mua sắm vật tư, thiết bị
35	13/QĐ-HĐQT	04/04/2025	Phê duyệt: Hỗ trợ hộ trồng mía bị hạn vụ 24-25
36	14/QĐ-HĐQT	15/04/2025	Phê duyệt mua sắm vật tư, thiết bị.
37	15/QĐ-HĐQT	19/04/2025	Phê duyệt mua sắm vật tư, thiết bị.
38	16/QĐ-HĐQT	06/05/2025	Phê duyệt: Kế hoạch BDSC năm 2025-2026
39	17/QĐ-HĐQT	09/05/2025	Phê duyệt: KH mua sắm vật tư đầu tư cho VNL mía
40	18/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Phê duyệt: Quyết toán BDSC lớn năm 2024-2025.
41	19/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Phê duyệt: Quyết toán quỹ lương năm 2024-2025 và trích lập dự phòng QTL năm 2025-2026
42	20/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Phê duyệt: Trích lập các khoản dự phòng nợ khó đòi, hàng tồn kho chậm luân chuyển.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập đã có nhiều góp ý hiệu quả trong việc hoạch định các chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên trong Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các hội thảo về Quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Công ty. HĐQT ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.

2. BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng BKS	0	0,00%
2	Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên BKS	0	0,00%
3	Ông Nguyễn Văn Đãi	Thành viên BKS	0	0,00%



QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

**Bà NGUYỄN THỊ THỦY**
Trưởng Ban Kiểm soát

Quá trình công tác:

1985 – 1987	: Công tác tại Cục Thuế Bình Dương
1987 – 2014	: Công tác tại CTCP Đường Bình Dương
07/2015 – nay	: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
05/2016 – nay	: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Sơn La

Ngày sinh: 13/03/1960

Trình độ chuyên môn:

Đại học Tài chính - Kế toán

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Ông NGUYỄN VĂN TÀI**
Thành viên Ban Kiểm soát

Quá trình công tác:

1997 – nay	: Công tác tại CTCP Mía đường Sơn La
2018 – nay	: Thành viên BKS CTCP Mía đường Sơn La
2018 – 06/2023	: Chủ tịch công đoàn CTCP Mía đường Sơn La
2018 – nay	: Bí thư Đảng bộ CTCP Mía đường Sơn La

Ngày sinh: 15/12/1968

Trình độ chuyên môn:

Trung cấp

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Ông NGUYỄN VĂN ĐÃI**
Thành viên Ban Kiểm soát

Quá trình công tác:

1997 – 2006	: Công nhân vận hành nấu đường - CTCP Mía đường Sơn La
2007 – 2010	: Vận hành kiêm tổ trưởng nấu đường - CTCP Mía đường Sơn La
2010 – 2015	: Nhân viên phòng Kỹ thuật - Hóa nghiệm - CTCP Mía đường Sơn La
12/2015 - 01/2017 và 12/2017 – 04/2018	: Phó giám đốc Xí nghiệp chế biến đường - CTCP Mía đường Sơn La
12/2015 – nay	: Bí thư chi bộ Xí nghiệp Chế biến đường - CTCP Mía đường Sơn La
07/2017 – 08/2017	: Phó phòng Tổ chức hành chính - CTCP Mía đường Sơn La
08/2017 – 12/2017	: Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ
09/2021 – nay	: Thành viên BKS CTCP Mía đường Sơn La

Ngày sinh: 14/04/1975

Trình độ chuyên môn:

Cao đẳng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NIÊN ĐỘ 2024-2025

Trong niên độ 2024-2025, Ban Kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ, góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:

Theo dõi sát sao công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT), công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cẩn trọng.

Giám sát tài chính – kế toán:

Kiểm tra công tác ghi chép sổ sách kế toán; thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và cả năm; xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập trong và sau quá trình kiểm toán; giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn.

Kiểm soát tuân thủ công bố thông tin:

Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và trên website Công ty.

Thực hiện các nhiệm vụ khác:

BKS đã thực hiện nghiêm túc các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tính minh bạch, khách quan và hiệu quả.

Theo dõi và đánh giá kế hoạch SXKD:

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT; thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ.

Rà soát chính sách và quy trình:

Kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty để phát hiện sớm rủi ro tiềm ẩn, đưa ra cảnh báo và kiến nghị giải pháp khắc phục kịp thời cho HĐQT và Ban TGD.

Tham gia, đóng góp ý kiến:

Kiểm tra công tác ghi chép sổ sách kế toán; thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và cả năm; xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập trong và sau quá trình kiểm toán; giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn.

Trong nhiệm kỳ vừa qua Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu kiểm tra hoạt động SXKD của Công ty, công tác quản lý của HĐQT hoặc công tác điều hành của Ban TGD.

Nhìn chung, Ban Kiểm soát đánh giá cao sự phối hợp chặt chẽ, minh bạch và kịp thời giữa HĐQT, Ban TGD và các phòng ban chức năng. Hoạt động của BKS đã góp phần đảm bảo Công ty vận hành đúng định hướng, tuân thủ pháp luật và phát triển bền vững trong niên độ 2024-2025.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA DOANH NGHIỆP

Trong niên độ 2024-2025, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được triển khai nghiêm túc, các chủ trương và quyết sách của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế, kịp thời tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban TGD trong công tác điều hành. Các thành viên HĐQT chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, thường xuyên tham dự các buổi giao ban của Ban Điều hành để nắm bắt tình hình, đưa ra giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, họp đột xuất trực tiếp và trực tuyến; ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định và văn bản chỉ đạo quan trọng, tập trung vào những nội dung then chốt như: thực hiện các hạng mục tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định để bảo đảm đủ công suất cho nhà máy, quản lý công tác tiêu thụ đường và phụ phẩm, cũng như các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Ban TGD và các cán bộ điều hành khác đã điều hành hoạt động của Công ty đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ tổ chức và hoạt động cũng như các Quy chế quản lý nội bộ. Công ty đã tuân thủ

đầy đủ các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý, công bố thông tin và các giao dịch.

Nhìn chung, trong niên độ 2024-2025, công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT và công tác điều hành của Ban TGD, người điều hành khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ. HĐQT, Ban TGD và đội ngũ điều hành đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của năm, góp phần củng cố uy tín và vị thế của Công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông, người lao động và các bên liên quan.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự
1	Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng BKS	04/04	100%
2	Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên BKS	04/04	100%
3	Ông Nguyễn Văn Đãi	Thành viên BKS	04/04	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong niên độ 2024–2025, Ban Kiểm soát (BKS) đã thực hiện nghiêm túc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của BKS. Tất cả các hoạt động giám sát đều được tiến hành độc lập, khách quan, nhằm bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp.

Trong năm, BKS đã tham gia 04 phiên họp định kỳ cùng Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, đồng thời tổ chức 03 cuộc kiểm tra trực tiếp tại Công ty. Các cuộc họp và kiểm tra này tập trung vào việc triển khai chương trình công tác, theo dõi tiến độ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đồng thời đánh giá hiệu quả của hoạt động quản lý, điều hành. Ngoài ra,

BKS cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.

Thông qua công tác giám sát, BKS đã đưa ra nhiều ý kiến đánh giá và kiến nghị quan trọng với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành. Các khuyến nghị tập trung vào việc tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, giảm thiểu rủi ro trong quản lý tài chính và điều hành sản xuất, đảm bảo Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ. Những kiến nghị này đã góp phần nâng cao chất lượng công tác quản trị, hỗ trợ Ban Điều hành trong việc đưa ra các quyết sách đúng đắn và kịp thời.



3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Ông Đặng Việt Anh	CT.HĐQT		510.300.000	420.000.000	930.300.000
2	Ông Trần Ngọc Hiếu	PCT. HĐQT - TGD	976.928.000	510.000.000	300.000.000	1.786.928.000
3	Bà Trần Thị Bích Nhi	TV.HĐQT độc lập		157.900.000	180.000.000	337.900.000
4	Ông Thái Văn Hùng	TV.HĐQT - P.TGD	705.000.000	328.000.000	180.000.000	1.113.000.000
5	Ông Nguyễn Trường Chinh	TV.HĐQT độc lập		147.900.000	180.000.000	327.900.000
6	Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng BKS		92.900.000	180.000.000	272.900.000
7	Ông Nguyễn Văn Tài	TV. BKS	304.420.000	111.520.000	60.000.000	475.940.000
8	Ông Nguyễn Văn Đãi	TV. BKS	196.420.000	82.520.000	60.000.000	338.940.000
9	Bà Nguyễn Thị Khương	Kế toán trưởng	305.500.000	86.940.000		392.440.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Các giao dịch này được tiến hành một cách công khai và minh bạch, việc mua bán hàng hóa và dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo cơ chế thị trường.

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Trong quá trình hoạt động, quản trị công ty luôn là vấn đề được Công ty quan tâm, đặt lên hàng đầu để đảm bảo sự phát triển bền vững. Việc thực hiện quản trị tốt giúp đảm bảo hoạt động của Công ty được hiệu quả và có tính minh bạch, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

82 Báo cáo tài chính được kiểm toán

86 Ý kiến kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2025

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La (dưới đây được gọi là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500155321 ngày 20/02/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Công ty đã nhiều lần điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần sửa đổi gần nhất là lần thứ mười được cấp ngày 16/05/2025.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) kể từ ngày 16/10/2012 với mã chứng khoán là SLS.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, xã Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| - Ông Đặng Việt Anh | Chủ tịch |
| - Ông Trần Ngọc Hiếu | Phó Chủ tịch |
| - Bà Trần Thị Bích Nhi | Thành viên |
| - Ông Thái Văn Hùng | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Trường Chinh | Thành viên |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|----------------------|-------------------|
| - Ông Trần Ngọc Hiếu | Tổng Giám đốc |
| - Ông Thái Văn Hùng | Phó Tổng Giám đốc |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|----------------------|----------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Thùy | Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Ông Nguyễn Văn Tài | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Văn Đãi | Thành viên |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Việt Anh - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 32. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sơn La, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Thay mặt Ban Giám đốc,



Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Hiếu

Theo Giấy ủy quyền số 71/GUQ-2024
ngày 01/11/2024 của Chủ tịch HĐQT



Tel.: +84 (0) 24 37833911
Fax: +84 (0) 24 37833914
www.bdo.vn

20th Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh Street
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Số: BC/BDO/2025. 6.1.1.

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La (được gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



Nguyễn Tuấn Anh - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 1906-2023-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 2581-2023-038-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1.546.611.881.697	1.127.012.212.540
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.208.072.612	18.532.255.431
1.	Tiền	111		3.208.072.612	18.532.255.431
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.031.898.020.449	677.894.770.383
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	908.615.070.180	539.612.093.000
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	22.509.848.458	15.519.434.667
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	9.400.000.000	9.400.000.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	102.906.453.015	124.918.876.233
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11.533.351.204)	(11.555.633.517)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.8	511.505.788.636	430.580.595.516
1.	Hàng tồn kho	141		537.381.181.036	433.729.472.017
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.875.392.400)	(3.148.876.501)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	4.591.210
1.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	4.591.210
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		536.846.656.672	568.668.815.802
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		516.106.497.492	549.594.966.495
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	514.932.960.504	548.407.185.315
	Nguyên giá	222		1.030.502.450.078	1.014.232.779.435
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(515.569.489.574)	(465.825.594.120)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.173.536.988	1.187.781.180
	Nguyên giá	228		2.018.991.660	2.018.991.660
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(845.454.672)	(831.210.480)
III.	Tài sản dở dang dài hạn	240		9.140.159.180	7.473.849.307
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	9.140.159.180	7.473.849.307
IV.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.600.000.000	11.600.000.000
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.2	9.600.000.000	9.600.000.000
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.1	2.000.000.000	2.000.000.000
V.	Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.083.458.538.369	1.695.681.028.342

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B02-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		355.946.782.308	140.926.756.200
I. Nợ ngắn hạn	310		355.946.782.308	140.926.756.200
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	45.554.718.891	43.128.581.053
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.014.496.300	461.666.050
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	24.696.076.179	22.384.202.502
4. Phải trả người lao động	314		1.668.915.722	4.605.140.571
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	19.444.414	1.035.926.285
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.777.975.138	915.664.596
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	274.883.587.181	61.709.043.280
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	5.700.000.000	4.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		631.568.483	2.686.531.863
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.727.511.756.061	1.554.754.272.142
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1.727.511.756.061	1.554.754.272.142
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.919.450.000	97.919.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.919.450.000	97.919.450.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.638.028	3.998.638.028
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		95.607.779.802	45.607.779.802
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		7.677.296.000	8.801.036.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.522.308.592.231	1.398.427.368.312
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.148.088.468.312	872.068.384.836
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		374.220.123.919	526.358.983.476
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.083.458.538.369	1.695.681.028.342

Son La, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Dương Hải Linh

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu



CHỈ TIÊU

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.160.883.201.236	1.411.694.307.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.160.883.201.236	1.411.694.307.969
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	780.144.092.465	883.632.323.544
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		380.739.108.771	528.061.984.425
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38.035.969.027	31.751.916.756
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.793.542.996	2.774.054.792
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.793.542.996	2.747.846.792
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.984.124.237	2.839.039.896
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	31.478.414.920	21.847.952.508
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		380.518.995.645	532.352.853.985
11. Thu nhập khác	31	VI.7	800.129.387	20.371.370
12. Chi phí khác	32	VI.8	166.159.573	107.687.396
13. Lợi nhuận khác	40		633.969.814	(87.316.026)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		381.152.965.459	532.265.537.959
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	6.943.899.540	5.906.554.483
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		374.209.065.919	526.358.983.476
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	37.756	53.295

Son La, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Dương Hải Linh

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		381.152.965.459	532.265.537.959
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		56.843.081.028	55.712.749.435
- Các khoản dự phòng	03		25.281.553.415	2.742.047.483
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.240.975.932)	(17.141.384.809)
- Chi phí lãi vay	06		3.793.542.996	2.747.846.792
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		461.830.166.966	576.326.796.860
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(350.405.354.621)	(387.499.980.149)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(103.651.709.019)	(104.223.975.806)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		545.842.407	(37.288.571.584)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.793.542.996)	(2.747.846.792)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.906.554.483)	(206.487.324)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.100.000	31.700.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.661.551.000)	(5.765.390.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.992.602.746)	38.626.245.205
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(33.221.179.008)	(63.499.379.033)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.988.970.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(139.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	166.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.555.694.033	17.141.384.809
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.676.514.975)	(19.057.994.224)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

B03-DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		354.075.417.277	112.229.043.280
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(140.900.873.376)	(100.620.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(195.829.609.000)	(146.872.206.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.344.934.901	(135.263.163.470)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(15.324.182.819)	(115.694.912.489)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18.532.255.431	134.227.167.920
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.208.072.612	18.532.255.431

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Son La, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc



Dương Hải Linh



Nguyễn Thị Khương



Trần Ngọc Hiếu

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500155321 ngày 20/02/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ mười ngày 16/05/2025.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) kể từ ngày 16/10/2012 với mã chứng khoán là SLS.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, xã Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất chế biến;
- Kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính:

- Sản xuất, chế biến và kinh doanh đường mía, mật ri và các sản phẩm sau đường;
- Kinh doanh phân bón, phân đạm, thuốc trừ sâu, mía giống, xỉ tro.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, không có những sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

6. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 330 người (tại ngày 30/06/2024 là 333 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01/07 năm trước đến ngày 30/06 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo các nguyên tắc phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, nếu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định khác thì các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được giảm trừ trực tiếp vào giá trị khoản đầu tư.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Nguyên tắc xác định công ty liên doanh, liên kết: Dựa theo tỷ lệ quyền biểu quyết.

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20 % đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng của công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- *Phải thu khách hàng:* Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản phải thu về cho mượn tài sản...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - “Hàng tồn kho”, cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ

Nhà cửa, vật kiến trúc
Máy móc thiết bị
Phương tiện vận tải
Thiết bị quản lý
Tài sản cố định hữu hình khác

Số năm

06 - 50 năm
06 - 15 năm
06 - 15 năm
03 - 08 năm
07 năm

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian ước tính hữu dụng.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 147/2016/TT-BTC.

6. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế giá trị gia tăng (Thuế GTGT)

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng 5%, 10% tùy từng sản phẩm, hàng hóa. Cụ thể:

- Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bunn: 5%

- Túi đường, cung cấp dịch vụ (cho thuê cây xăng, bán nguyên vật liệu): 10%.

Đối với sản phẩm túi đóng đường, Công ty được áp dụng chính sách giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 của Quốc hội.

Từ ngày 1/7/2025, mức thuế suất đối với sản phẩm đường mía và các sản phẩm liên quan sẽ thuộc nhóm hàng hóa chịu thuế suất 10%.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Công ty đang được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chế biến nông sản theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ tài chính.

c) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí đi vay được vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận trong kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả tại thời điểm cuối năm bao gồm các khoản: phải trả chi phí kiểm toán xây dựng cơ bản.

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

Trích trước chi phí phải trả phí kiểm toán xây dựng cơ bản: Căn cứ vào hợp đồng đã được ký bởi 2 bên.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng". Dự phòng phải trả tại thời điểm cuối năm là dự phòng phải trả tiền lương.

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu: vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu như sau:

- Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán đường, mật ri, phân bón... được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trả chậm tiền hàng, lãi đầu tư trái phiếu, lợi nhuận cổ tức được chia, lãi cho vay đầu tư vùng nguyên liệu và các doanh thu tài chính khác.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trả chậm tiền hàng, lãi đầu tư trái phiếu, lãi cho vay đầu tư vùng nguyên liệu: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia: Được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán bao gồm: Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay, lãi khách hàng ứng trước tiền hàng, lãi trả chậm tiền hàng... Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong năm.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số VIII.2.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: Chi phí đầu tư XDCB, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh (TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình); chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	169.424.591	267.101.050
Tiền gửi ngân hàng	3.038.648.021	18.265.154.381
Cộng	3.208.072.612	18.532.255.431

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Dài hạn						
Trái phiếu Ngân hàng	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
TMCP Công thương Việt Nam (20.000 TP)						
Cộng	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000
Cộng	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000

Chi tiết tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	31.875.600.000	30%	30%	31.875.600.000	30%	30%

Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

Hoạt động chính của Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La trong năm là trồng mía, ngô và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp liên quan.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	207.081.171.957	222.780.093.000
Công ty TNHH MTV Phú An Sài Gòn	18.583.630.137	60.200.000.000
Công ty TNHH An Hà	96.994.655.793	59.800.000.000
Công ty TNHH Lê Nam Hà Tiên	90.000.726.027	101.200.000.000
Các khách hàng còn lại	1.502.160.000	1.580.093.000
Phải thu khách hàng là bên liên quan	701.533.898.223	316.832.000.000
(Chi tiết phải thu khách hàng là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VIII.2)		
Cộng	908.615.070.180	539.612.093.000

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	22.509.848.458	15.519.434.667
Công ty TNHH Công Nghệ Vũ Lê	3.214.322.886	2.655.371.195
Công ty TNHH Vĩnh Trị	6.963.752.001	6.963.752.001
Công ty TNHH Minh Danh	3.366.507.694	653.246.752
Công ty TNHH Nguyên Nghĩa	2.222.222.222	-
Các nhà cung cấp còn lại	6.743.043.655	5.247.064.719
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-
Cộng	22.509.848.458	15.519.434.667

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Xi măng Bắc Kạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP nhựa Trường Thịnh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng cầu đường 19	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Cộng	9.400.000.000	9.400.000.000	-	9.400.000.000	9.400.000.000	-

6. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên thứ ba	102.406.453.015	218.641.204	124.318.876.233	162.990.516
Phải thu đầu tư vùng nguyên liệu	99.340.885.825	218.641.204	121.176.392.378	162.990.516
Tạm ứng	3.060.933.347	-	2.721.527.591	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	407.160.000	-
Phải thu khác	4.633.844	-	13.796.265	-
Phải thu bên liên quan	500.000.000	-	600.000.000	-
(Chi tiết phải thu khác từ bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VIII.2)				
Cộng	102.906.453.015	218.641.204	124.918.876.233	162.990.516

7. Nợ xấu

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Xi măng Bắc Kạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Cầu đường 19	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Công ty CP nhựa Trường Thịnh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Bình Anh	1.792.550.000	1.792.550.000	-	1.792.550.000	1.792.550.000	-
Các đối tượng khác	365.527.160	340.801.204	24.725.956	363.083.517	363.083.517	-
Cộng	11.558.077.160	11.533.351.204	24.725.956	11.555.633.517	11.555.633.517	-

Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	11.555.633.517	11.554.206.984
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	55.650.687	26.917.972
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(77.933.000)	(25.491.439)
Xóa nợ bằng khoản dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	11.533.351.204	11.555.633.517

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	127.139.759.795	(24.492.392.400)	130.546.047.896	(3.148.876.501)
Công cụ, dụng cụ	73.199.579	-	33.783.492	-
Thành phẩm	409.381.607.533	(1.383.000.000)	292.284.401.670	-
Hàng hóa	786.614.129	-	10.865.238.959	-
Cộng	537.381.181.036	(25.875.392.400)	433.729.472.017	(3.148.876.501)

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:

	VND
Nguyên liệu, vật liệu	127.139.759.795
Công cụ, dụng cụ	73.199.579
Thành phẩm	409.381.607.533
Hàng hoá	786.614.129
Cộng	537.381.181.036

Giá trị hàng tồn kho trên được dùng thế chấp, cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (Xem Thuyết minh V.18)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	3.148.876.501	4.408.255.551
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	24.180.714.851	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.454.198.952)	(1.259.379.050)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	25.875.392.400	3.148.876.501

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án đầu tư nâng cấp thiết bị và sản xuất đường tinh luyện 2015	3.578.711.650	3.578.711.650
Dự án thi công kết cấu thép nhà chứa bã	3.080.652.853	-
Dự án khác	2.480.794.677	3.895.137.657
Cộng	9.140.159.180	7.473.849.307

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	1.080.949.765	938.041.895	2.018.991.660
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	1.080.949.765	938.041.895	2.018.991.660
HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số đầu năm	-	831.210.480	831.210.480
Khấu hao trong năm	-	14.244.192	14.244.192
Số cuối năm	-	845.454.672	845.454.672
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	1.080.949.765	106.831.415	1.187.781.180
Số cuối năm	1.080.949.765	92.587.223	1.173.536.988

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 30/06/2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 795.600.000 VND (tại ngày 30/06/2024 là 795.600.000 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại ngày 30/06/2025 đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay là 92.587.223 VND (tại ngày 30/06/2024 là 106.831.415 VND)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	186.825.565.972	814.472.211.763	9.246.497.122	3.235.777.305	452.727.273	1.014.232.779.435
Mua sắm mới	7.500.050.405	10.810.465.725	5.069.625.925	-	-	23.380.142.055
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.345.410.451	-	-	-	-	4.345.410.451
Thanh lý, nhượng bán	(1.564.566.535)	(9.672.015.328)	(219.300.000)	-	-	(11.455.881.863)
Số cuối năm	197.106.460.293	815.610.662.160	14.096.823.047	3.235.777.305	452.727.273	1.030.502.450.078
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	89.921.131.267	369.335.486.191	4.633.668.170	1.482.581.219	452.727.273	465.825.594.120
Khấu hao trong năm	6.281.934.058	49.490.234.473	847.805.942	208.862.364	-	56.828.836.836
Hao mòn trong năm	67.252.380	-	-	-	-	67.252.380
Thanh lý, nhượng bán	(1.564.566.535)	(5.368.327.227)	(219.300.000)	-	-	(7.152.193.762)
Số cuối năm	94.705.751.170	413.457.393.437	5.262.174.112	1.691.443.583	452.727.273	515.569.489.574
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	96.904.434.705	445.136.725.572	4.612.828.952	1.753.196.086	-	548.407.185.315
Số cuối năm	102.400.709.123	402.153.268.723	8.834.648.936	1.544.333.722	-	514.932.960.504

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2025 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 136.778.152.745 VND (tại ngày 30/06/2024 là 103.188.237.064 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2025 đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 453.872.699.449 VND (tại ngày 30/06/2024 là 387.859.903.274 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là bên thứ ba	41.354.431.137	41.354.431.137	37.923.830.873	37.923.830.873
Công ty cổ phần Tư vấn, Thiết bị và Công nghệ Ánh Dương	1.135.500.000	1.135.500.000	1.135.500.000	1.135.500.000
Công ty cổ phần Tổng Công ty Sông Gianh	6.071.994.500	6.071.994.500	548.586.500	548.586.500
Công ty cổ phần Công nghiệp Hiệp Thành	4.551.150.035	4.551.150.035	4.551.150.035	4.551.150.035
Cá nhân vận chuyển mía	24.220.158.640	24.220.158.640	23.224.150.392	23.224.150.392
Các nhà cung cấp còn lại	5.375.627.962	5.375.627.962	8.464.443.946	8.464.443.946
Phải trả người bán là bên liên quan	4.200.287.754	4.200.287.754	5.204.750.180	5.204.750.180
(Chi tiết phải trả cho người bán là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VIII.2)				
Cộng	45.554.718.891	45.554.718.891	43.128.581.053	43.128.581.053

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên thứ ba	1.014.496.300	461.666.050
Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu	794.428.000	162.260.000
Công ty cổ phần Năng lượng sạch Sơn La	-	61.254.000
Ông Phạm Hữu Quang	140.021.500	140.021.500
Các khách hàng còn lại	80.046.800	98.130.550
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-
Cộng	1.014.496.300	461.666.050

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT nội địa	16.431.762.229	45.351.780.118	44.068.261.289	17.715.281.058
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.384.295.830	1.384.295.830	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	87.653.058	87.653.058	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.906.554.483	6.943.899.540	5.906.554.483	6.943.899.540
Thuế thu nhập cá nhân	45.885.790	9.032.198.134	9.041.188.343	36.895.581
Thuế tài nguyên	-	46.648.400	46.648.400	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	261.360.540	261.360.540	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	941.053.680	941.053.680	-
Cộng	22.384.202.502	64.051.889.300	61.740.015.623	24.696.076.179

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả quản lý thu mua mía	-	1.007.544.371
Chi phí phải trả khác	19.444.414	28.381.914
Cộng	19.444.414	1.035.926.285

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

16. Phải trả khác ngắn hạn

Kinh phí công đoàn
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
Phải trả, phải nộp khác
Cộng

Số cuối năm
359.207.206
717.918.210
700.849.722
1.777.975.138

B09-DN

Số đầu năm
293.156.515
97.918.210
524.589.871
915.664.596

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng tiền lương
Cộng

Số cuối năm
5.700.000.000
5.700.000.000

Số đầu năm
4.000.000.000
4.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B09-DN

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (i)	57.209.043.280	57.209.043.280	354.075.417.277	136.400.873.376	274.883.587.181	274.883.587.181
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	57.209.043.280	57.209.043.280	301.828.031.556	133.400.873.376	225.636.201.460	225.636.201.460
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	4.500.000.000	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-	-
Cộng vay ngắn hạn	61.709.043.280	61.709.043.280	354.075.417.277	140.900.873.376	274.883.587.181	274.883.587.181

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 20.02/2024-HĐCVHM/NHCT190-SLS ngày 27/02/2024 kèm văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức ngày 24/01/2024 về việc gia hạn thời hạn duy trì hạn mức và Hợp đồng cho vay hạn mức số 06.03/2025-HĐCVHM/NHCT190-SLS ngày 18/03/2025. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh của Công ty (không bao gồm mảng kinh doanh xăng dầu). Hạn mức của hợp đồng là 400 tỷ đồng từ tháng 09 đến hết tháng 10 hàng năm và hạn mức 500 tỷ đồng từ tháng 11 đến hết tháng 08 năm sau. Thời hạn duy trì hạn mức lần lượt đến hết ngày 31/03/2025 và đến hết ngày 28/02/2026. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng (với lĩnh vực sản xuất kinh doanh mía đường và các sản phẩm khác từ ngành mía đường) và không quá 12 tháng (với lĩnh vực đầu tư vốn cho vùng nguyên liệu), lãi suất được điều chỉnh và quy định trên từng giấy nhận nợ. Tại ngày 30/06/2025, số dư các khoản vay lần lượt là 129.727.499.743 đồng và 95.908.701.717 đồng.

Các khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng bảo đảm sau:

- Hợp đồng thế chấp động sản số 05.38/2024/HĐBĐ/NHCT190 ngày 23/02/2024;
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 06.38/2024/HĐBĐ/NHCT190 ngày 23/02/2024;
- Hợp đồng thế chấp hàng tồn kho số 07.38/2024/HĐBĐ/NHCT190 ngày 23/02/2024;
- Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 08.38/2024/HĐBĐ/NHCT190 ngày 23/02/2024.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/951311/HĐTD ngày 24/04/2025. Hạn mức tín dụng tối đa 250 tỷ đồng, trong đó tối đa 200 tỷ đồng từ tháng 12/2024 đến hết tháng 5/2025 và tối đa 150 tỷ đồng từ tháng 6/2025 đến hết tháng 11/2025. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/11/2025, thời hạn cho vay và lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng bảo đảm sau: Hợp đồng khung thế chấp khoản phải thu số 01/2025/951311/HĐBĐ ngày 24/04/2025; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2025/951311/HĐBĐ ngày 24/04/2025 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2025/951311/HĐBĐ ngày 24/04/2025.

19. Vốn chủ sở hữu
19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	97.919.450.000	3.998.638.028	45.607.779.802	8.174.806.000	1.024.947.559.836	1.180.648.233.666
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	526.358.983.476	526.358.983.476
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(146.879.175.000)	(146.879.175.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	2.000.000.000	(6.000.000.000)	(4.000.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(1.373.770.000)	-	(1.373.770.000)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	97.919.450.000	3.998.638.028	45.607.779.802	8.801.036.000	1.398.427.368.312	1.554.754.272.142
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	374.209.065.919	374.209.065.919
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(195.838.900.000)	(195.838.900.000)
Phân phối các quỹ	-	-	50.000.000.000	-	(54.500.000.000)	(4.500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(1.123.740.000)	-	(1.123.740.000)
Tăng khác	-	-	-	-	11.058.000	11.058.000
Số dư cuối năm nay	97.919.450.000	3.998.638.028	95.607.779.802	7.677.296.000	1.522.308.592.231	1.727.511.756.061

Trong kỳ, Công ty thực hiện phân phối các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCDTN2024 ngày 05 tháng 09 năm 2024. Theo đó, Công ty chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 200% vốn điều lệ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng trong năm phục vụ đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu.



100% ĐỒNG VỐN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Trần Thị Thái	26.860.600.000	26.860.600.000
Công ty TNHH Thái Liên	14.688.000.000	14.688.000.000
Ông Đặng Việt Anh	9.638.780.000	9.638.780.000
Cán bộ Công nhân viên và Cổ đông khác	46.732.070.000	46.732.070.000
Cộng	97.919.450.000	97.919.450.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	97.919.450.000	97.919.450.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	97.919.450.000	97.919.450.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	195.838.900.000	146.879.175.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.791.945	9.791.945
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	9.791.945	9.791.945
- Cổ phiếu phổ thông	9.791.945	9.791.945
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.791.945	9.791.945
- Cổ phiếu phổ thông	9.791.945	9.791.945

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

20. Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Tài sản nhận giữ hộ

	Đơn vị tính	Số lượng	Phẩm chất
Hàng hóa đã bán nhưng chưa xuất bán			
Đường trắng cao cấp I (NU-50) vụ 2024-2025	Kg	1.125.000	Tốt
Đường trắng cao cấp I (NU-70) vụ 2024-2025	Kg	1.380.350	Tốt
Đường trắng cao cấp I (NU-A1) vụ 2024-2025	Kg	541.000	Tốt
Mật ri vụ 2024-2025	Kg	2.501.980	Tốt
Tổng		5.548.330	

b) Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong 10 năm như sau:

Nội dung	Số nợ (VND)	Năm xóa nợ	Nguyên nhân xóa nợ
Các khoản nợ phải thu đầu tư vùng nguyên liệu tồn từ năm 2007 đến năm 2013	359.716.531	2018	Nợ không có khả năng thu hồi.
Các khoản nợ phải thu đầu tư vùng nguyên liệu tồn từ năm 2014 đến năm 2020	147.605.180	2023	Nợ không có khả năng thu hồi.



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu sản phẩm đường, mật ri, bã bùn, bã mía	1.071.946.901.607	1.322.199.822.932
Doanh thu sản phẩm vi sinh, phân bùn ủ men	4.577.400.000	8.073.210.000
Doanh thu phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống	83.851.523.159	80.974.718.393
Doanh thu khác	507.376.470	446.556.644
Cộng	1.160.883.201.236	1.411.694.307.969
Trong đó	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán cho bên thứ ba	306.596.143.147	508.332.962.448
Doanh thu bán cho bên liên quan	854.287.058.089	903.361.345.521
Cộng	1.160.883.201.236	1.411.694.307.969
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm đường, mật ri, bã bùn, bã mía	671.418.881.070	798.597.665.534
Giá vốn sản phẩm vi sinh, phân bùn ủ men	4.038.153.197	6.509.437.401
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống	80.777.291.684	79.627.170.595
Giá vốn khác	305.930.786	157.429.064
Trích lập/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	23.603.835.728	(1.259.379.050)
Cộng	780.144.092.465	883.632.323.544
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.121.426.781	7.072.550.141
Lãi đầu tư trái phiếu	133.000.000	132.000.000
Lợi nhuận cổ tức được chia	335.298.004	364.304.498
Lãi cho vay đầu tư vùng nguyên liệu	2.965.969.248	9.572.530.170
Lãi bán hàng trả chậm	33.349.724.994	14.338.479.947
Doanh thu hoạt động tài chính khác	130.550.000	272.052.000
Cộng	38.035.969.027	31.751.916.756
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	3.793.542.996	2.747.846.792
Chi phí tài chính khác	-	26.208.000
Cộng	3.793.542.996	2.774.054.792
5. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	-	9.480.040
Chi phí vật liệu, bao bì	195.109.322	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	113.517.360	113.517.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.591.416.596	2.596.004.620
Chi phí bằng tiền khác	84.080.959	120.037.876
Cộng	2.984.124.237	2.839.039.896

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	13.401.831.736	5.098.927.622
Chi phí vật liệu quản lý	699.301.112	133.649.786
Chi phí đồ dùng văn phòng	294.125.472	637.870.252
Chi phí khấu hao TSCĐ	909.886.860	393.141.501
Thuế, phí và lệ phí	596.792.751	979.374.552
Chi phí dự phòng	1.677.717.687	4.001.426.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.844.700.044	5.102.728.293
Chi phí bằng tiền khác	5.054.059.259	5.500.833.969
Cộng	31.478.414.920	21.847.952.508
7. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, vật tư	685.281.899	-
Cho thuê Kiot và các khoản điện, nước	68.988.943	11.111.111
Các khoản khác	45.858.545	9.260.259
Cộng	800.129.387	20.371.370
8. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	125.387.043	107.687.396
Các khoản khác	40.772.530	-
Cộng	166.159.573	107.687.396
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	656.511.095.440	671.951.951.251
Chi phí nhân công	50.739.465.113	40.943.993.117
Chi phí công cụ, dụng cụ	122.759.865	166.223.719
Chi phí khấu hao TSCĐ	56.843.081.028	55.712.749.435
Chi phí dự phòng	25.281.553.415	2.742.047.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.438.771.290	51.333.501.073
Chi phí khác bằng tiền	7.683.888.865	7.757.675.970
Cộng	850.620.615.015	830.608.142.047
10. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.943.899.540	5.906.554.483
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.943.899.540	5.906.554.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.		

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	381.152.965.459	532.265.537.959
Hoạt động được miễn thuế TNDN	346.823.778.115	503.077.000.644
Hoạt động không được miễn thuế TNDN	34.329.187.344	29.188.537.315
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	3.582.495.011	3.837.723.891
Các khoản điều chỉnh tăng	3.582.495.011	3.837.723.891
Chi phí không được trừ	3.582.495.011	3.837.723.891
Hoạt động được miễn thuế TNDN	3.192.184.655	3.493.488.792
Hoạt động không được miễn thuế TNDN	390.310.356	344.235.099
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	-	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	384.735.460.470	536.103.261.850
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập từ hoạt động được miễn thuế TNDN	350.015.962.770	506.570.489.436
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác	34.719.497.700	29.532.772.414
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	6.943.899.540	5.906.554.483

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	374.209.065.919	526.358.983.476
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	374.209.065.919	526.358.983.476
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ (*)	4.500.000.000	4.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (**)	9.791.945	9.791.945
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.756	53.295

(*): Theo Nghị quyết Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2024 ngày 05 tháng 09 năm 2024, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành từ lợi nhuận niên độ 2023-2024 với số tiền là 4.500.000.000 đồng.
Trong niên độ 2024-2025, Công ty tạm ước tính thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận niên độ 2024-2025 bằng với số trích lập của năm trước.

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	9.791.945	9.791.945
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.791.945	9.791.945

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
Vay ngân hàng trả thẳng cho nhà cung cấp, vay trả lương cho CBCNV	195.330.417.277	82.529.043.280
Cộng	195.330.417.277	82.529.043.280

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Thành viên chủ chốt		
Ông Đặng Việt Anh	930.300.000	760.500.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	1.786.928.000	1.791.060.000
Bà Trần Thị Bích Nhi	337.900.000	310.500.000
Ông Thái Văn Hùng	1.113.000.000	1.138.500.000
Ông Nguyễn Trường Chinh	327.900.000	300.500.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	272.900.000	280.500.000
Ông Nguyễn Văn Tài	475.940.000	529.140.000
Ông Nguyễn Văn Đãi	338.940.000	372.323.333
Bà Nguyễn Thị Khương	392.440.000	428.440.000
Nhận tạm ứng từ Công ty		
Ông Trần Ngọc Hiếu	-	300.000.000
Ông Đặng Việt Anh	-	300.000.000
Hoàn tạm ứng		
Ông Trần Ngọc Hiếu	100.000.000	-
Nhận cổ tức từ Công ty		
Ông Đặng Việt Anh	19.277.560.000	14.458.170.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	2.634.620.000	1.975.965.000
Bà Nguyễn Thị Khương	18.480.000	13.860.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Phải thu khác ngắn hạn (thuyết minh chi tiết cho mục V.6)

Tạm ứng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Trần Ngọc Hiếu	200.000.000	300.000.000
Ông Đặng Việt Anh	300.000.000	300.000.000
Cộng	500.000.000	600.000.000

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Đường Kon Tum	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	Bà Tạ Ngọc Hương vợ ông Trần Ngọc Hiếu là Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Vương Quốc Việt
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	Bà Đặng Thị Thu Hằng - Chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên là chị gái ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
Công ty TNHH Thái Liên	Cổ đông góp vốn
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty cổ phần Mía đường Trà Vinh	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ	Bà Đặng Thị Thu Hằng - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ là chị gái ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La
Công ty TNHH Thương mại Thiên Thiên Phúc	Bà Đặng Thị Thu Hằng - Thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thương mại Thiên Thiên Phúc là chị gái ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La
Công ty TNHH Thái Minh Anh Việt Nam	Bà Lê Thị Sang - Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Thái Minh Anh Việt Nam là vợ của ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Bán hàng	200.858.438.094	120.157.857.143
Lãi trả chậm tiền hàng	5.442.479.646	982.549.318
Mua vật tư	22.988.459.720	20.014.613.542
Công ty cổ phần Đường Kon Tum		
Lãi trả chậm tiền hàng	-	490.684.931
Mua vật tư	-	195.726.947
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa		
Lãi trả chậm tiền hàng	-	306.724.316

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Thái Liên		
Bán hàng	81.523.809.525	128.619.047.620
Lãi trả chậm tiền hàng	1.834.538.111	486.807.917
Chi trả cổ tức	29.376.000.000	22.032.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt		
Bán hàng	116.760.266.666	87.453.945.140
Lãi trả chậm tiền hàng	4.235.730.393	871.019.965
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên		
Bán hàng	49.714.285.713	75.571.428.572
Lãi trả chậm tiền hàng	1.743.801.367	1.404.096.919
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La		
Bán hàng	1.096.924.761	113.352.761
Mua mía nguyên liệu	7.379.331.471	7.519.849.560
Hoàn ứng tiền mía	96.837.755	-
Cổ tức được chia	335.298.004	364.304.498
Lãi nợ đầu tư mía	14.217.428	-
Thu nợ đầu tư mía	380.689.277	-
Công ty cổ phần Mía Đường Trà Vinh		
Bán hàng	137.904.761.903	88.619.047.619
Lãi trả chậm tiền hàng	154.421.919	642.593.560
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc		
Bán hàng	216.952.380.951	272.350.476.190
Lãi trả chậm tiền hàng	7.023.228.766	2.309.415.563
Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ		
Lãi trả chậm tiền hàng	-	836.032.876
Công ty TNHH Thương mại Thiên Thiên Phúc		
Bán hàng	49.476.190.476	130.476.190.476
Lãi trả chậm tiền hàng	3.706.856.852	1.502.614.659
Công ty TNHH Thái Minh Anh Việt Nam		
Mua dịch vụ	3.502.172.621	(*)

(*) Từ 01/07/2023 đến 30/06/2024, Công ty TNHH Thái Minh Anh Việt Nam không phải là bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

Phải thu khách hàng (thuyết minh chi tiết cho mục V.3)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Kim Hà Việt	194.498.928.321	59.800.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	105.016.787.024	63.150.000.000
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	46.408.849.315	55.850.000.000
Công ty TNHH Thái Liên	11.779.013.699	7.782.000.000
Công ty cổ phần Mía đường Trà Vinh	84.854.421.919	-
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc	167.088.986.301	70.150.000.000
Công ty TNHH Thương mại Thiên Thiên Phúc	91.886.911.644	60.100.000.000
Cộng	701.533.898.223	316.832.000.000

Phải trả người bán (thuyết minh chi tiết cho mục V.12)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	155.815.748	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	3.993.682.366	5.204.750.180
Công ty TNHH Thái Minh Anh Việt Nam	50.789.640	(*)
Cộng	4.200.287.754	5.204.750.180

(*) Tại 30/06/2024, Công ty TNHH Thái Minh Anh Việt Nam không phải là bên liên quan.

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Sơn La, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Dương Hải Linh



Nguyễn Thị Khương



Trần Ngọc Hiếu

114

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Sơn La, ngày 22 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Hiếu

115



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NIÊN ĐỘ 2024 – 2025

CTCP MÍA ĐƯỜNG SƠN LA